

TÀI LIỆU HỖ TRỢ LỒNG GHÉP CÁC NỘI DUNG VỀ SINH THÁI XÃ HỘI  
VÀO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHO THANH NIÊN

# Chủ đề CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI



Hà Nội, tháng 8 năm 2021

**Thực hiện:** Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E)

**Tài liệu được biên soạn và xuất bản dưới sự tài trợ của**  
**Quý Rosa Luxemburg Stiftung – Văn phòng Đông Nam Á**

**Quy định sao chép:** Có thể sao chép, trích dẫn tài liệu này với mục đích phi thương mại.

**Biên soạn:** Ngô Thị Phương Thảo

**Biên tập:** Đỗ Thị Huyền, Hoàng Thanh Tâm, Bùi Thị Thanh Thủy

**Thiết kế:** Nguyễn Hoàng Vũ, Nguyễn Thế Long

**Địa chỉ:** P. 510, E1 Khu ngoại giao đoàn Trung Tự, Số 6 phố Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội

**Điện thoại:** +84 24 35738536

**Email:** ce.center.office@gmail.com

**Website:** ce-center.org.vn

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong khuôn khổ Dự án “Lồng ghép và vận động nội dung Chuyển đổi Sinh thái - Xã hội (SET) trong giáo dục đại học ở Việt Nam” với sự tài trợ của Quý Rosa Luxemburg khu vực Đông Nam Á (RLS SEA). “Tài liệu hỗ trợ lồng ghép các nội dung về sinh thái xã hội vào chương trình giáo dục cho thanh niên – chủ đề Chuyển đổi sinh thái xã hội” là một phần trong bộ công cụ giáo dục về lối sống sinh thái. Bộ công cụ này được thiết kế dành cho các giảng viên, tập huấn viên và những nhà hoạt động trẻ tuổi với những nội dung liên quan đến giáo dục và sinh thái xã hội.

Tài liệu này khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên tiếp cận với kiến thức mới, và mở ra tiềm năng áp dụng lý thuyết và thực hành các nội dung về chuyển đổi sinh thái xã hội trong cuộc sống hàng ngày và công việc tương lai, cụ thể là sự áp dụng chuyển đổi sinh thái xã hội vào cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp trước những thách thức của cuộc khủng hoảng khí hậu hiện nay.

Tài liệu cũng sẽ đồng thời hỗ trợ các các giảng viên, tập huấn viên và những nhà hoạt động trẻ tuổi truyền cảm hứng tới người học một cách đa dạng, thú vị và khoa học qua các phương pháp lồng ghép. Cách tiếp cận chủ đạo trong tài liệu này sẽ là giáo dục, nâng cao nhận thức, phát triển chuyên môn và thực hành cũng như các can thiệp thực tế đối với chuyển đổi sinh thái xã hội, cụ thể là lồng ghép đào tạo cho sinh viên Việt Nam và các nhà lãnh đạo trẻ kiến thức và kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, khủng hoảng xã hội và sinh thái, hòa nhập với các phong trào sinh thái xã hội đang được phát triển tại Việt Nam.

Hơn thế nữa, tài liệu này là một công cụ được biên soạn một cách dễ hiểu dành cho tất cả các cá nhân, tổ chức mong muốn tìm hiểu, học hỏi và lồng ghép vào các hoạt động cộng đồng. Dù bạn là ai hay công tác ở bất cứ vị trí nào, bạn cũng có thể trở thành người truyền cảm hứng tới cộng đồng của mình. Tài liệu được kỳ vọng sẽ tạo động lực cho những đối tượng mục tiêu trong việc thực hành các hoạt động sinh thái xã hội bền vững, đưa ra các sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm thực tế cho các học viên trẻ trong việc thực hiện các dự án sinh thái xã hội.

Trung tâm C&E mong nhận được những nhận xét góp ý của các tổ chức và cá nhân để tài liệu này được hoàn thiện và phổ biến rộng rãi trong thời gian tới.

Trung tâm C&E

# MỤC LỤC

Từ viết tắt/ký hiệu  
Danh mục bảng biểu  
Danh mục hình minh họa

<b>01</b>	<b>HIỂU VỀ CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI</b>	<b>9</b>
	<b>Chuyển đổi sinh thái xã hội là gì?</b>	<b>10</b>
	Khái niệm Chuyển đổi sinh thái xã hội	10
	Tại sao chúng ta lại nói tới chuyển đổi sinh thái xã hội?	10
	Những yếu tố trong chuyển đổi sinh thái xã hội	17
	Nền tảng lý thuyết và các hướng tiếp cận nghiên cứu của chuyển đổi sinh thái xã hội	20
	<b>Những ví dụ thực tế về Chuyển đổi sinh thái xã hội</b>	<b>22</b>
	Mô hình lý thuyết - Nền kinh tế do-nut (Doughnut Economics)	22
	Mô hình chính sách - Tổng Hạnh phúc Quốc gia (GNH)	24
	Phong trào xã hội - Quyền của Tự nhiên (Rights of Nature)	28
	Thu nhập cơ bản toàn cầu (Universal basic income)	30
	Phong trào cộng đồng - Khu phố chuyển dịch (Transition Town)	33
	Mạng lưới chia sẻ năng lượng mặt trời ở nông thôn - SOLshare (Bangladesh)	35
	Mô hình mạng lưới nông nghiệp - Thamturakit (Thái Lan)	37
	Mô hình doanh nghiệp xã hội - Vietherb (Việt Nam)	39
	Hoạt động nghiên cứu - Quỹ Rosa Luxemburg tại Đông Nam Á	41
	Phong trào Văn Phòng Xanh (Green Office) tại trường học	42
	Lối sống cá nhân - Phong trào sống tối giản (Minimalism)	43
	<b>Tầm quan trọng của việc giới thiệu Chuyển đổi sinh thái xã hội vào giáo dục</b>	<b>46</b>

<b>02</b>	<b>LỒNG GHÉP CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI VÀO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO THANH NIÊN</b>	<b>47</b>
	<b>Các hình thức lồng ghép cơ bản</b>	<b>48</b>
	Lồng ghép vào bài giảng	48
	Lồng ghép vào đề tài nghiên cứu	49
	Lồng ghép vào hoạt động tập huấn và đi thực tế	49
	Lồng ghép vào các sự kiện, chiến dịch, phong trào	50
	<b>Gợi ý một số phương pháp lồng ghép chủ đề vào hoạt động giáo dục</b>	<b>51</b>
	Mô hình tảng băng	51
	Phân tích trường hợp điển hình	54
	Chu trình học qua trải nghiệm	56
	<b>Ví dụ chương trình tập huấn</b>	<b>58</b>
	Bài giảng trên lớp	58
	Chuyến đi thăm quan thực tế	60
	<b>Tài liệu mở rộng</b>	<b>62</b>

<b>03</b>	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>63</b>
-----------	---------------------------	-----------

## Từ viết tắt/ ký hiệu

**BĐKH** - Biến đổi khí hậu (Climate Change)

**GNH** - Tổng Hạnh phúc Quốc gia (Gross National Happiness)

**PTBV** - Phát triển bền vững (Sustainable Development)

**SET** - Chuyển đổi sinh thái xã hội (Social-Ecological Transformation)

**UBI** - Thu nhập cơ bản toàn cầu (Universal Basic Income)

## Tên viết tắt của các tổ chức quốc tế

**FAO**: Food and Agriculture Organization (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc)

**ILO**: International Labour Organization (Tổ chức Lao động Quốc tế)

**IEA**: International Economic Association (Hiệp hội Kinh tế Quốc tế)

**OECD**: Organization for Economic Cooperation and Development (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế)

**UN**: United Nations (Liên Hợp Quốc)

**UNESCO**: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc)

**UNICEF**: United Nations International Children's Emergency Fund (Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc)

**UNODC**: United Nations Office on Drugs and Crime (Văn phòng Liên Hiệp Quốc về chống Ma túy và Tội phạm)

**WHO**: World Health Organization (Tổ chức Y tế Thế giới)

## Danh mục bảng biểu

Bảng 1: Những yếu tố nền tảng xã hội và các chỉ số thiếu hụt 15

Bảng 2: Bộ tiêu chí được ưu tiên trong SET được chia cụ thể theo ba lĩnh vực kinh tế-xã hội-sinh thái 19

## Danh mục hình minh họa

Hình 1: Biểu đồ sự thay đổi trong chín ranh giới của hành tinh (planetary boundaries) tính từ năm 1950 tới nay 11

Hình 2: Những thiếu hụt trong nền tảng xã hội con người hiện nay 14

Hình 3: Nghiên cứu sinh thái xã hội trong bối cảnh nghiên cứu bền vững xuyên ngành 21

Hình 4: Mô hình do-nut với các ranh giới sinh thái và thiếu sót về xã hội 23

Hình 5: Bốn trụ cột của Tổng Hạnh phúc Quốc gia - GNH 25

Hình 6: Bảng đánh giá chỉ số GNH tại Tịnh Trúc Gia (Huế, Việt Nam) 27

Hình 7: Người dân bản địa biểu tình phản đối việc xây dựng đường ống dẫn dầu ở Canada 28

Hình 8: Bộ phim tài liệu "THE RIGHTS OF NATURE: A GLOBAL MOVEMENT" 29

Hình 9: Bằng chứng của sự chênh lệch giàu nghèo lớn ở Brazil 31

Hình 10: Thử nghiệm phân chia thu nhập cơ bản ở Ấn Độ 32

Hình 11: "Khu phố chuyển dịch" thị trấn Fujino ở tỉnh Kanagawa, Nhật Bản 34

Hình 12: Lắp đặt pin năng lượng mặt trời ở nông thôn Bangladesh 35

Hình 13: Người dân chủ động quản lý lưới điện với sự hỗ trợ của công nghệ 36

Hình 14: Một dược sĩ tại Bangladesh sử dụng SOLshare tại hiệu thuốc 36

Hình 15: Một lớp học về bảo quản hạt giống tại trung tâm Pun Pun 38

Hình 16: Một sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh và sản phụ làm từ thảo mộc của Vietherb 40

Hình 17: Bà Rosa Luxemburg, nhà triết học người Đức, người đấu tranh cho công bằng và dân chủ trong xã hội	41
Hình 18: Văn phòng của quỹ Rosa Luxemburg tại Việt Nam, đứng giữa là ông Philip Degenhardt - giám đốc khu vực	41
Hình 19: Một buổi chia sẻ ngoài trời của Green Office for KU Leuven về nông nghiệp đô thị	42
Hình 20: Toàn bộ tài sản cá nhân của Rob Greenfield - một người theo chủ nghĩa tối giản	44
Hình 21: Một số đầu sách về lối sống tối giản bằng tiếng Việt	45
Hình 22: Các tầng thông tin trong mô hình tảng băng	51
Hình 23: Ví dụ về mô hình tảng băng	53
Hình 24: Biểu đồ chu trình học qua trải nghiệm	56

# PHẦN 01

## HIỂU VỀ CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI

---

## CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI LÀ GÌ?

### Khái niệm Chuyển đổi sinh thái xã hội

Từ khóa “**chuyển đổi sinh thái xã hội**”, được tạm dịch từ thuật ngữ tiếng anh “Social-Ecological Transformation” (SET<sup>1</sup>). **Sự chuyển đổi** (transformation) ở đây nói đến quá trình thay đổi toàn diện về mọi mặt từ kinh tế xã hội, chính trị cho tới văn hóa [5, 52]<sup>2</sup>.

Không có một định nghĩa duy nhất cho “chuyển đổi sinh thái xã hội”, đây có thể hiểu là một khái niệm chung để chỉ **những sự thay đổi về chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa với mục đích giải quyết khủng hoảng kinh tế xã hội** [6, 1].

Bruckmeier giải thích ngắn gọn về “chuyển đổi sinh thái xã hội” trong cuốn sách cùng tên xuất bản năm 2016 là “**sự chuyển đổi của xã hội hiện tại và mối quan hệ của nó với tự nhiên**” [7, viii]. Điều này có thể đạt được khi các thành phần trong xã hội từ giới chính trị, kinh tế, xã hội dân sự và các bên liên quan khác cùng hành động để can thiệp và giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, từ đó dẫn tới những thay đổi về cấu trúc trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên [12].

### Tại sao chúng ta lại nói tới chuyển đổi sinh thái xã hội?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần nhìn lại tổng quan bức tranh thế giới xung quanh. Trong bối cảnh nhân loại đang đồng thời đối mặt với những cuộc khủng hoảng về kinh tế, môi trường và y tế chưa từng có trong lịch sử: cơn đại dịch ảnh hưởng tới sức khỏe của hàng trăm triệu người trên quy mô toàn thế giới, cháy rừng xảy ra thường xuyên với cường độ lớn ở các khu rừng quý giá còn lại gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh học, đời sống và sức khỏe của con người cũng như muôn loài, những hiện tượng thời tiết cực đoan như sóng thần, mưa bão, lở đất xảy ra mỗi lúc một nhiều với cường độ mạnh và khó dự báo hơn.

Mặc dù không phải là một khái niệm mới, chuyển đổi sinh thái xã hội nhận được nhiều sự chú ý và tập trung phát triển trong thời gian gần đây như một hướng giải quyết những khủng hoảng xã hội và sinh thái mà chúng ta đang gặp phải, đồng thời trả lời được những phê

<sup>1</sup> Lưu ý: Trong tài liệu này khái niệm “Chuyển đổi sinh thái xã hội” đôi lúc sẽ được viết tắt theo từ tiếng anh SET (Social Ecological Transformation)

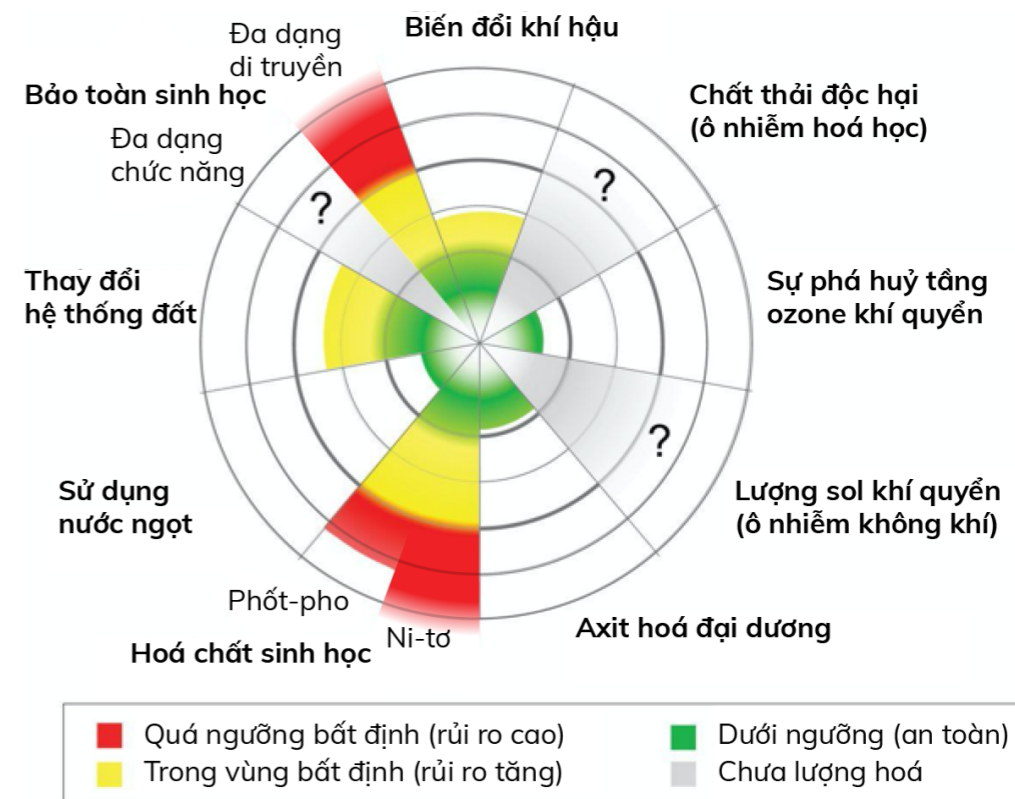
<sup>2</sup> Mẫu trích dẫn tài liệu tham khảo: [số thứ tự tài liệu tham khảo, (số trang trong tài liệu)].

bình về sự mất cân bằng trong trào lưu phát triển mang danh nghĩa “phát triển bền vững”. Chúng ta sẽ đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể này ngay sau đây.

### 1. Khủng hoảng xã hội và sinh thái

Chúng ta đang sống trong một thời đại chưa từng có trong lịch sử loài người, khi mà sự “phát triển” của xã hội hiện đại đang dẫn vượt quá hàng loạt giới hạn sinh thái của Trái Đất, cùng lúc đó, những sức ép về mặt xã hội không ngừng gia tăng.

Để hình dung rõ hơn về bức tranh sinh thái, hãy nhìn vào biểu đồ “chín ranh giới hành tinh” được nghiên cứu và đề xuất bởi nhóm các nhà khoa học đứng đầu là Johan Rockström (Trung tâm Phục hồi Stockholm) và Will Steffen (Đại học Quốc Gia Úc).



Hình 1: Biểu đồ sự thay đổi trong chín ranh giới của hành tinh (planetary boundaries) tính từ năm 1950 tới nay [36]

Có thể thấy là ngưỡng sinh thái về đa dạng sinh học (tốc độ tuyệt chủng) và các dòng vật chất sinh hóa (phốt-pho, ni-tơ) đã vượt ngưỡng đáng báo động. Còn chỉ số thay đổi sử dụng đất (độ che phủ rừng và các hệ sinh thái tự nhiên) cũng như biến đổi khí hậu (BĐKH) đã ở mức cảnh báo.

Cần hiểu rằng những yếu tố này hoàn toàn không riêng lẻ mà luôn có sự tương tác ảnh hưởng lẫn nhau, việc vượt quá ranh giới ở một yếu tố sẽ kéo theo làm trầm trọng thực trạng của các yếu tố khác. Ví dụ như diện tích rừng sụt giảm và ô nhiễm không khí sẽ đẩy mạnh sự nóng lên của trái đất (BĐKH) làm giảm dự trữ nước ngọt, làm tăng quá trình axit hóa đại

dương và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái.

1. Các nhà khoa học cho rằng chúng ta có thể đang đối mặt với cuộc **Đại tuyệt chủng thứ Sáu** trong lịch sử Trái Đất bởi tỷ lệ tuyệt chủng hiện tại đang cao hơn năm lần đại tuyệt chủng trước đó, cao gấp hàng nghìn lần tỷ lệ tuyệt chủng tự nhiên (khi không có con người) [11].

2. Lỗ thủng tầng ozone Nam Cực đạt kích thước kỷ lục khoảng **25 triệu km vuông** vào tháng 10 năm 2020. Điều này khiến các nhà khoa học lo ngại bởi đây là một trong những lần ghi nhận kích thước của lỗ thủng ozone lớn nhất trong 40 năm qua, mặc dù những năm gần đây đã có tín hiệu tích cực từ những nỗ lực giảm kích thước lỗ thủng này sau hiệp định Montreal (cấm việc sử dụng các hợp chất gây ảnh hưởng tới tầng ozone) [48].

3. Do hoạt động của con người, hàng năm có **250 tỷ tấn hóa chất** tổng hợp được sản xuất. Việc bị phơi nhiễm với hóa chất, ô nhiễm, BĐKH và tia cực tím gây ra khoảng **12 triệu ca tử vong** mỗi năm [47].

4. Trong năm 2020, các vùng nhiệt đới trên thế giới đã mất đi **4,2 triệu hecta** rừng nguyên sinh ẩm - tương đương với diện tích của đất nước Hà Lan. Phần lớn diện tích rừng mất đi do phá rừng và cháy rừng [20].

5. Nồng độ CO<sub>2</sub> trong bầu khí quyển vẫn đang tăng dần đều cho dù toàn thế giới đang “nóng lên” với những lời kêu gọi giảm phát thải và đảo ngược hiện tượng nóng lên toàn cầu suốt những năm vừa qua. Theo 2-degrees Institute (Viện nghiên cứu Hai độ C) thì nồng độ CO<sub>2</sub> trong khí quyển vào ngày 16 tháng 6 năm 2021 là **419.48ppm** (part per million - phần triệu). Lưu ý rằng các nhà khoa học cho rằng giới hạn an toàn của nồng độ CO<sub>2</sub> trong khí quyển là 350ppm [1].

## Những con số biết nói

6. Mỗi ngày đại dương hấp thụ khoảng **22 triệu tấn CO<sub>2</sub>** - chiếm khoảng 26% lượng CO<sub>2</sub> phát thải từ hoạt động của con người. Nếu nồng độ CO<sub>2</sub> tiếp tục tăng lên như hiện tại, tới cuối thế kỷ này, nước biển bị axit hóa sẽ ăn mòn vỏ của các loài động vật dưới đại dương, đời sống của các loại sinh vật phù du rất quan trọng trong hệ sinh thái đại dương cũng sẽ bị đe dọa [41].

7. Hiện nay trên thế giới có **1.42 tỷ người**, trong đó có 450 triệu trẻ em, sống ở những khu vực có nguy cơ bị tổn thương cao hoặc cực kỳ cao về nước (những khu vực này vừa khan hiếm nguồn nước vừa thiếu nước sạch có thể uống được) [43].

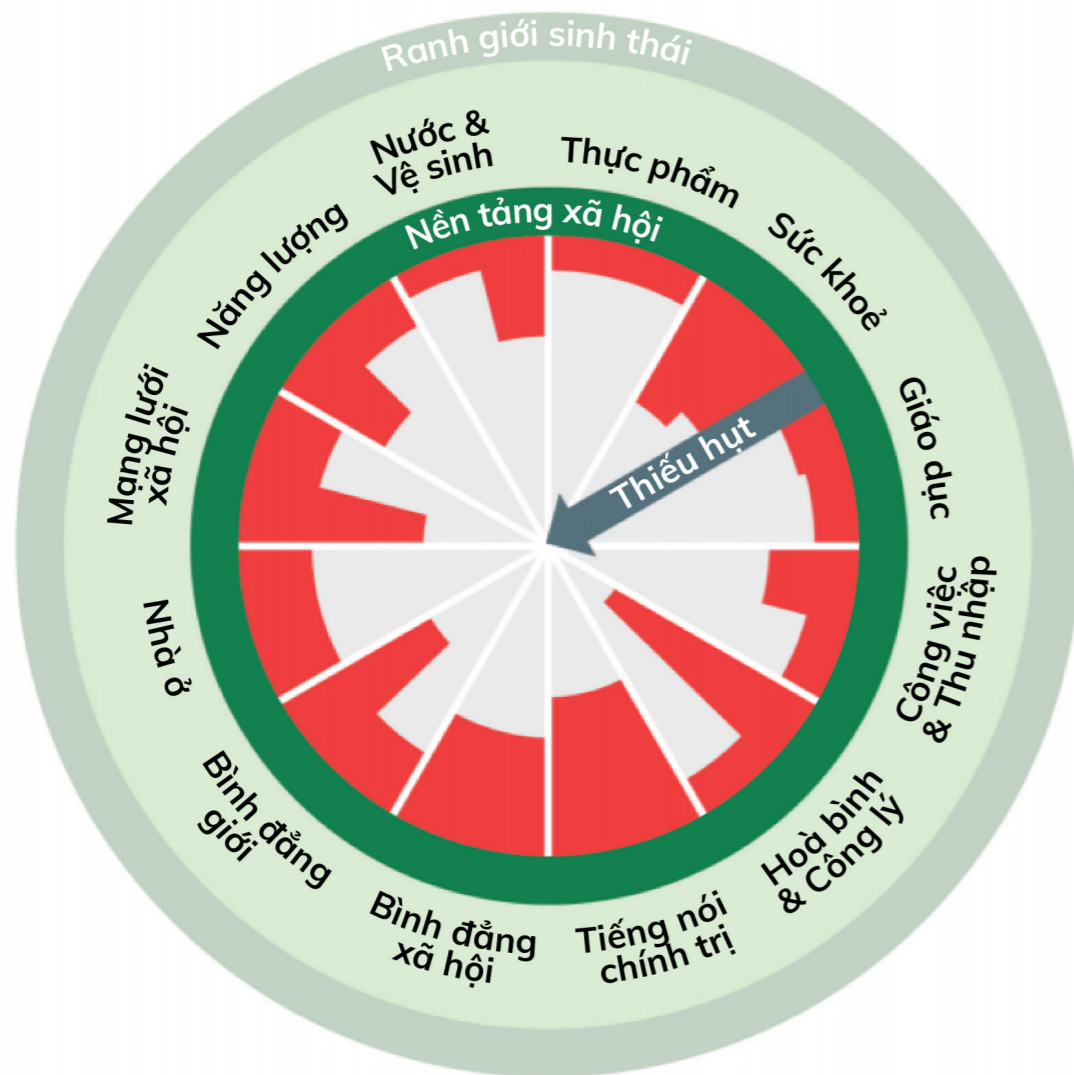
8. Phân đạm (Ni-tơ) và Phốt-pho tổng hợp được sử dụng để làm tăng năng suất nông nghiệp. Qua dòng chảy và xói mòn đất, các chất này sẽ đi vào nguồn nước và hệ thống đất, gây phú dưỡng, làm thay đổi dòng dinh dưỡng trong đất, gây ô nhiễm và ảnh hưởng tới biến đổi khí hậu. Trong vòng 60 năm trở lại đây, lượng phân đạm được sử dụng đã tăng **gấp 8 lần** và với phốt-pho là **3 lần** [27].

9. Báo cáo đặc biệt của IPCC (Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu) vào năm 2018 đã chỉ ra rằng chúng ta đang trên “lộ trình” hướng tới cột mốc tăng 1.5oC (nhiệt độ trung bình của Trái Đất so với thời đại tiền công nghiệp) trong vòng dưới **10 năm** tới. Cả thế giới cần hợp lực để con số này không lên tới 2 độ C. Một thế giới với nóng lên toàn cầu ở ngưỡng 2 độ C sẽ chứng kiến những ca tử vong do nhiệt, giảm năng suất nông nghiệp, nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, kinh tế suy thoái, đói nghèo tăng và khan hiếm nước ngọt trầm trọng - tất cả tăng lên **gấp 50%** so với kịch bản tăng 1.5 độ C [25].

## Fact-box

Bức tranh sinh thái không mấy tươi sáng này lại được phủ thêm một sắc trầm bởi bối cảnh những vấn đề xã hội mà con người đang đối mặt trên bình diện toàn cầu. Chúng ta đang nói đến những câu chuyện liên quan mật thiết đến đời sống mà ta có thể nghe và đọc ở khắp nơi trên các phương tiện truyền thông như nạn đói, thất học, sự thiếu vắng những nhu cầu cơ bản về nước, thực phẩm, năng lượng, các cuộc đại dịch, tỷ lệ vô gia cư, thất nghiệp hay bóc lột lao động, bình đẳng giới, hòa bình và công lý...

Hình 2 minh họa dưới đây thể hiện các chỉ số về những khía cạnh cơ bản trong đời sống xã hội và khu vực màu đỏ là mức độ thiếu hụt (xem chi tiết ở bảng 1 phía dưới để hiểu rõ hơn).



Hình 2: Những thiếu hụt trong nền tảng xã hội con người hiện nay [33, 4]

Bảng 1: Những yếu tố nền tảng xã hội và các chỉ số thiếu hụt [33, 4-5]

Khía cạnh	Chỉ số minh họa	Phần trăm	Năm	Nguồn dữ liệu
Thực phẩm	Tỷ lệ dân số suy dinh dưỡng	11	2014-16	FAO
Sức khỏe	Dân số sống ở các quốc gia có tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi vượt quá 25/000 trẻ chào đời	46	2015	Ngân hàng Thế giới
	Dân số sống ở các quốc gia có tuổi thọ dưới 70 năm	39	2013	Ngân hàng Thế giới
Giáo dục	Dân số trưởng thành (trên 15 tuổi) mù chữ	15	2013	UNESCO
	Trẻ từ 12-15 tuổi không đến trường	17	2013	UNESCO
Công việc và thu nhập	Dân số sống dưới mức nghèo khổ toàn cầu \$3,10/ngày (khoảng 70.000 VNĐ)	29	2012	Ngân hàng Thế giới
	Tỷ lệ thanh niên (15-24 tuổi) không tìm được việc	13	2014	ILO
Nước và vệ sinh	Dân số không được tiếp cận đến nguồn nước đảm bảo	9	2015	WHO/UNICEF
	Dân số không được tiếp cận điều kiện vệ sinh đảm bảo	32	2015	WHO/UNICEF
Năng lượng	Dân số thiếu điện	17	2013	OECD/IEA
	Dân số thiếu các thiết bị nấu nướng đảm bảo	38	2013	OECD/IEA
Mạng lưới xã hội	Dân số cho rằng họ không có ai giúp đỡ khi khó khăn	24	2015	Gallup
	Dân số không được tiếp cận với mạng internet	57	2015	ITU
Nhà ở	Tỷ lệ dân số thành thị trên toàn cầu sống trong các khu nhà ổ chuột ở những quốc gia đang phát triển	24	2012	UN



Bình đẳng giới	Khoảng cách đại diện giữa phụ nữ và nam giới trong nghị viện quốc gia	56	2014	Ngân hàng Thế giới
	Khoảng cách thu nhập giữa phụ nữ và nam giới trên toàn thế giới	23	2009	ILO
Bình đẳng xã hội	Dân số sống ở các quốc gia có tỷ lệ Palma từ 2 trở lên (tỷ lệ giữa thu nhập của 10% người có thu nhập cao nhất so với 4 0% thấp nhất)	39	1995-2012	Ngân hàng Thế giới
Tiếng nói chính trị	Dân số sống ở các quốc gia đạt 0,5 điểm trở xuống (trên 1,0) về Chỉ số Tiếng nói và Trách nhiệm	52	2013	Ngân hàng Thế giới
Hòa bình và Công lý	Dân số sống ở các quốc gia có điểm từ 50 trở xuống (trên 100) về Chỉ số Nhận thức Tham nhũng	85	2014	Tổ chức Minh bạch Quốc tế
	Dân số sống ở các quốc gia có tỷ lệ giết người là 10 hoặc nhiều hơn trên 10.000	13	2008-2013	UNODC

## 2.Đòi hỏi về một mô hình phát triển mới

Nhận thức rõ ràng những khủng hoảng toàn cầu mà loài người đang gặp phải, vào năm 1987, uỷ ban Brundtland đã đưa ra định nghĩa về “**Phát triển Bền vững**” (PTBV) là “sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không gây phương hại tới nhu cầu của các thế hệ tương lai”, trong đó nhấn mạnh ba trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường. [44, 43]. Kể từ đó đến nay, khái niệm Phát triển Bền vững đã trở nên ngày một phổ biến trong các văn bản hành luật, tài liệu về phát triển hay các chương trình truyền thông. Tuy nhiên 35 năm sau, nhân loại vẫn tiếp tục đối mặt với những khủng hoảng về cả xã hội, môi trường và kinh tế ngày một leo thang. Tại sao lại như vậy?

Nhiều chuyên gia cho rằng, rất nhiều các chiến dịch và chương trình phát triển của các cá nhân, tổ chức, khu vực lấy danh nghĩa là “Phát triển Bền vững” nhưng trên thực tế lại chú trọng vào trụ cột cán cân kinh tế hơn là yếu tố xã hội và môi trường [12]. Hãy tưởng tượng thay vì một mô hình vững chắc như kiềng ba chân, thì ở đây chân “kinh tế” lớn hơn hẳn chân “xã hội” và chân “môi trường”, khiến chiếc ghế PTBV này không đứng vững và dễ sụp đổ. Những mô hình phát triển này cho rằng phát triển kinh tế là quan trọng nhất và hoàn toàn có thể hòa hợp với bảo vệ môi trường, mà bỏ qua những mối quan hệ tương quan phức tạp giữa xã hội-môi trường và kinh tế [6]. Đặc biệt, tư tưởng “tân tự do” và chủ nghĩa tư bản dẫn chiếm ưu thế trên toàn thế giới kéo theo việc các nhà tư bản và những công ty đa quốc gia lợi dụng nhãn mác “phát triển bền vững” để che giấu động cơ tối đa hóa lợi nhuận [10]. Thị trường tự do toàn cầu hóa đã và đang tác động tới mọi ngõ ngách của cuộc sống hàng ngày khi lối sống thượng lưu phương Tây được đề cao. Chủ nghĩa tiêu dùng nở rộ, nhân công rẻ mạt hay các sản phẩm rẻ tiền chất lượng thấp trở nên phổ biến [6; 10].

Trong chính bối cảnh này, dưới áp lực của những cuộc khủng hoảng và những điểm yếu của việc áp dụng mô hình PTBV, đặt ra thách thức và nhu cầu cho những thay đổi lớn và triệt để, chúng ta cần nhìn vào tận gốc của những khủng hoảng và lý do khiến nỗ lực vươn tới PTBV trong 35 năm qua chưa đạt được hiệu quả. Gốc rễ nằm ở sự mất kết nối sâu sắc giữa cá nhân, xã hội và tự nhiên, nằm ở việc bỏ qua những mối quan hệ phức tạp và mật thiết giữa các yếu tố xã hội và môi trường khi chạy theo phát triển kinh tế [12]. Ý tưởng của mô hình phát triển Chuyển đổi sinh thái xã hội nảy nở từ chính mong muốn đưa những khía cạnh này trở lại trung tâm chú ý của con người chúng ta, đặc biệt là đi sâu vào thực tế cuộc sống và có tác động đến tâm chính sách và hệ thống. Quá trình chuyển đổi này là một quá trình đa tầng lớp và phi tuyến tính, bởi nó liên quan đến những hệ thống phức tạp, đa chiều và năng động, đồng thời tiềm ẩn những điểm tới hạn có khả năng tạo thay đổi lớn [6].

## Những yếu tố trong chuyển đổi sinh thái xã hội

Trước tiên cần phải xác định rõ ràng rằng Chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) là một khái niệm còn rất mới, đặc biệt là tại Việt Nam và khu vực Châu Á. Hiện nay ta có thể tìm được tài liệu từ nhiều tổ chức xã hội và viện nghiên cứu đang bắt đầu tập trung xây dựng các hệ thống khung thông tin và lý thuyết xung quanh khái niệm này. Tuy nhiên không có một bộ khung hay mô hình duy nhất nào về chuyển đổi sinh thái xã hội. Tài liệu này giới thiệu hướng tiếp cận từ nhiều nguồn khác nhau nhưng đồng thời có sự bổ sung hỗ trợ cho nhau.

### Sáu thách thức mà SET mong muốn giải quyết [7, 9]

1. Quản trị thích ứng với những thay đổi xảy ra ở bình diện vi mô và vĩ mô
2. Chuyển đổi việc sử dụng các nguồn năng lượng và nguyên liệu
3. Quản trị toàn cầu và luật pháp quốc tế
4. Chuyển dịch bền vững trên quy mô từ địa phương, quốc gia tới toàn cầu
5. Giảm tốc độ tăng trưởng theo cấp số nhân của nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa
6. Xác định và hình thành các chủ thể xã hội mới cho chuyển đổi sinh thái xã hội

Hướng tới một xã hội bền vững, SET chú trọng đến những yếu tố nhằm cân bằng những nỗ lực phát triển các khía cạnh sinh thái và xã hội cân xứng với lĩnh vực kinh tế.

**Đảm bảo công bằng xã hội, hiệu quả kinh tế và công lý môi trường**

**Thay đổi hệ thống trong những mối quan hệ xã hội (cá nhân, nhóm, giới tính)**

**Thay đổi trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên**

**Thúc đẩy những quá trình phân phối tài nguyên, đảm bảo bình đẳng và giảm dấu chân sinh thái**

Kinh tế	Xã hội	Sinh thái
Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương ở quy mô nhỏ và vừa thay vì khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia	Dân chủ hóa việc hoạch định chính sách và tài sản công	Giới hạn và giảm thiểu ô nhiễm
Nâng cao phúc lợi và thu nhập	Tăng cường sự tham gia của người dân và các bên liên quan.	Các quy định về quản lý sử dụng đất
Giảm nhẹ các rào cản thị trường quốc tế	Đảm bảo điều kiện làm việc và chất lượng cuộc sống	Năng lượng tái tạo và tiết kiệm tài nguyên
Điều tiết tài chính công	Nâng cao bình đẳng giới và rút ngắn khoảng cách trong xã hội.	Giữ gìn đa dạng sinh học và phục hồi sinh thái
Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững	Đẩy mạnh lối sống bền vững (dân chủ, bình đẳng và thân thiện môi trường)	Áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên để đưa ra các sáng kiến trong các lĩnh vực của cuộc sống
	Thúc đẩy học hỏi và sáng tạo trong đổi mới xã hội	

Bảng 2: Bộ tiêu chí được ưu tiên trong SET được chia cụ thể theo ba lĩnh vực kinh tế-xã hội-sinh thái (điều chỉnh từ tài liệu của quỹ Rosa Luxemburg Stiftung - Văn phòng Đông Nam Á, 2020)

Ngoài ra, tổ chức Friedrich-Ebert-Stiftung cũng đã phát triển bốn lĩnh vực trọng tâm của SET tập trung vào khu vực thành phố/đô thị [2, 1]:

1. Phát triển hệ thống giao thông giữa những khu vực dân cư, nơi làm việc, giải trí và dịch vụ công - cân nhắc những tác động tới sức khỏe và môi trường
2. Điều chỉnh sự bất bình đẳng trong phân bố nguy cơ và lợi ích sinh thái, tăng cường hỗ trợ xã hội để chuyển đổi sinh thái
3. Tăng cường phúc lợi xã hội và lồng ghép các yếu tố phúc lợi vào chính sách công
4. Cải tiến các hệ thống chuyển hóa năng lượng trong đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

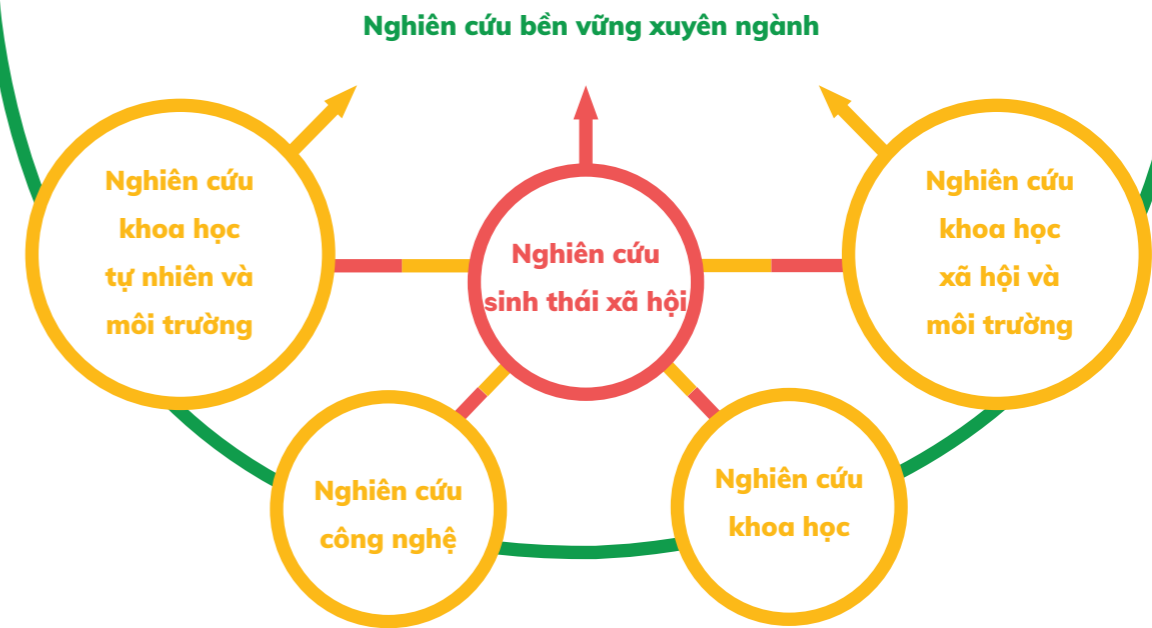
## Nền tảng lý thuyết và các hướng tiếp cận nghiên cứu của chuyển đổi sinh thái xã hội

Chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) được phát triển dựa trên nền tảng của lĩnh vực nghiên cứu **Sinh thái Xã hội** (Social Ecology). Sinh thái xã hội là những nghiên cứu liên ngành ứng dụng cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Điểm cốt lõi của lĩnh vực này nằm ở mối quan hệ tương hỗ và đồng tiến hóa của hệ thống tự nhiên và xã hội loài người qua thời gian, với những hệ quả tác động tới cả hai bên. Sinh thái xã hội bao hàm nhiều lĩnh vực như năng lượng và xã hội, sử dụng đất và sản xuất lương thực, sự trao đổi chất của xã hội, tác động môi trường của hoạt động nhân sinh... [15, 254].

Chuyển đổi sinh thái xã hội có thể được nhìn nhận theo nhiều hướng tiếp cận: nghiên cứu học thuật và phát triển vận động chính sách, mô hình áp dụng thực tế trong hoạt động tổ chức và sản xuất, mô hình ứng dụng phát triển sáng kiến công nghệ, mô hình giáo dục...

Dưới góc độ nghiên cứu học thuật, SET có những hướng tiếp cận chính như sau [6]:

1. Chuyển dịch hệ thống trao đổi chất trong xã hội - nhấn mạnh vào việc sử dụng năng lượng và nguyên liệu
2. Nghiên cứu và vận dụng kết quả nghiên cứu vào quản lý; tập trung vào các khía cạnh thể chế xã hội, đổi mới công nghệ và đổi mới xã hội để xây dựng một hệ thống công nghệ xã hội hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững hơn
3. Nghiên cứu những thực hành trong xã hội - những thói quen hành vi được tạo thành bởi những yếu tố có kết nối mật thiết với nhau như thể chế chính trị xã hội, công nghệ, cơ sở hạ tầng và các mối quan hệ quyền lực nằm trong những hệ thống đó
4. Giảm tăng trưởng (degrowth): thay đổi định hướng ở tầm vĩ mô (thể chế kinh tế xã hội) và vi mô (giá trị và động lực cá nhân) để hướng tới thước đo về phúc lợi thay vì thước đo tăng trưởng kinh tế làm động lực phát triển.
5. Sinh thái chính trị: xem xét tính vật chất của cấu trúc xã hội, coi tăng trưởng kinh tế là một quan hệ xã hội có liên hệ bản chất với sự thống trị có khả năng tái tạo cấu trúc xã hội.



Hình 3: Nghiên cứu sinh thái xã hội trong bối cảnh nghiên cứu bền vững xuyên ngành [3, 11]

Nghiên cứu về chuyển đổi sinh thái xã hội là một lĩnh vực liên ngành và giao thoa giữa nghiên cứu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học công nghệ. Để thực sự hiểu và đưa ra những giải pháp về chính sách, xã hội, môi trường và kinh tế hiệu quả trong SET, cần có một cái nhìn tổng quan và hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ tương hỗ giữa các khía cạnh và các tác nhân trong hệ sinh thái tự nhiên và xã hội.

## NHỮNG VÍ DỤ THỰC TẾ VỀ CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI

Những chuyển dịch về sinh thái xã hội thường đi từ nhỏ đến lớn, chúng nảy sinh từ những khoảng trống nhỏ trong xã hội rồi lớn dần thành những thay đổi có tính thể chế và sau cùng có thể góp phần chuyển hóa những yếu tố lớn hơn về xã hội, văn hóa, kinh tế hay chính trị [6].

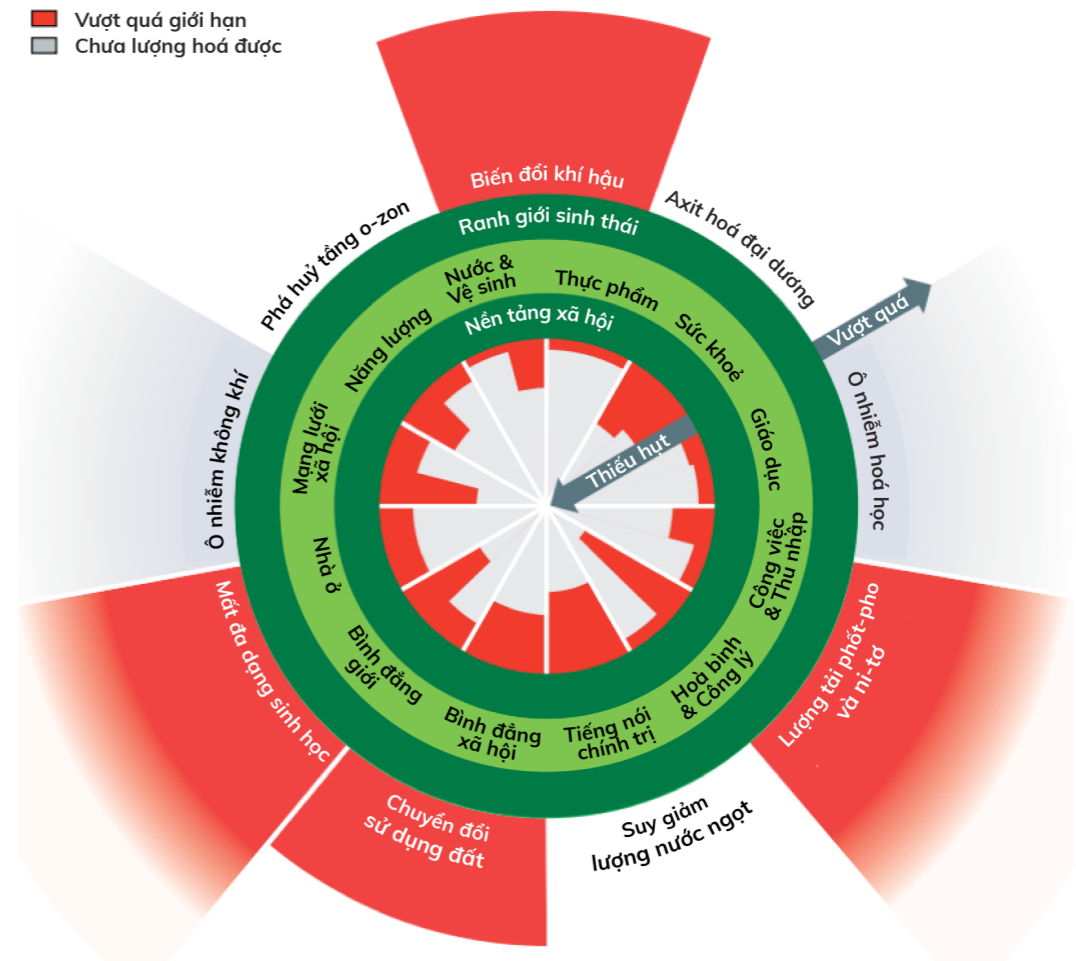
### Mô hình lý thuyết - Nền kinh tế do-nut (Doughnut Economics)

Nền kinh tế do-nut (hay mô hình Do-nut) là một mô hình được phát triển bởi nhà kinh tế học Kate Raworth từ năm 2012. Mô hình Do-nut được sự quan tâm của thế giới từ đó tới nay và được áp dụng như một công cụ cụ thể hóa phát triển bền vững vào nhiều lĩnh vực từ học thuật, xây dựng chính sách, chiến lược kinh doanh, quy hoạch đô thị và dân sự [33].



Nhà kinh tế học Kate Raworth, 2018 (Ảnh: TED.com)

Điểm nổi bật của mô hình này là sự kết hợp của hai đường tròn đồng tâm để mô tả ranh giới về xã hội và sinh thái (Hình 4), ở trong giới hạn hai đường tròn này chính là khoảng phát triển bền vững cho con người.



Hình 4: Mô hình do-nut với các ranh giới sinh thái và thiếu sót về xã hội [33, e48]

Biểu đồ minh họa phía trên thể hiện cách mà mô hình kinh tế do-nut kết hợp với hệ thống 9 ranh giới sinh thái và 12 thiếu sót trong nền tảng xã hội (hai vòng tròn xanh thẫm). Vùng màu xanh nhạt ở giữa hai vòng tròn chính là không gian an toàn và bền vững cho con người. Những đường viền màu đỏ thể hiện mức độ suy thoái môi trường hay các khiếm khuyết xã hội.

Như một la bàn giúp xác định hiện trạng phát triển của xã hội, Mô hình Do-nut làm nổi bật bốn ý chính cần lưu tâm trong các chiến lược phát triển:

1. Phúc lợi xã hội loài người phụ thuộc vào sức khỏe của hành tinh
2. Tồn tại bất bình đẳng sâu sắc về thu nhập và sự giàu có, về mức độ tiếp xúc với rủi ro, về giới tính và sắc tộc, và về sức mạnh chính trị trong nội bộ các quốc gia và giữa các quốc gia với nhau

3. Cần đổi mới các lý thuyết và hoạch định kinh tế tập trung vào tái sinh và phân bổ đồng đều thay vì chỉ ưu tiên tăng trưởng
4. Từ các nghiên cứu sinh thái xã hội, con người có hiểu biết và sự trân trọng hơn đối với sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và tự nhiên, từ đó có thể hoạch định một bức tranh lâu dài.

Một ví dụ điển hình của việc áp dụng mô hình Do-nut là ở thành phố Amsterdam, Hà Lan. Chính quyền thành phố cùng nhóm học giả ở đại học Oxford dẫn dắt bởi Kate Raworth đã cùng nhau phân tích bức chân dung của thành phố Amsterdam dựa trên mô hình Do-nut. Qua đó, thành phố có thể phân tích sâu hơn những khía cạnh khiến cho việc phát triển thành phố bền vững gặp khó khăn như vấn đề nhà ở, tiêu thụ nguyên liệu hóa thạch, việc phụ thuộc vào một số sản phẩm nhập khẩu liên quan đến điều kiện lao động kém ở đất nước khác [4].

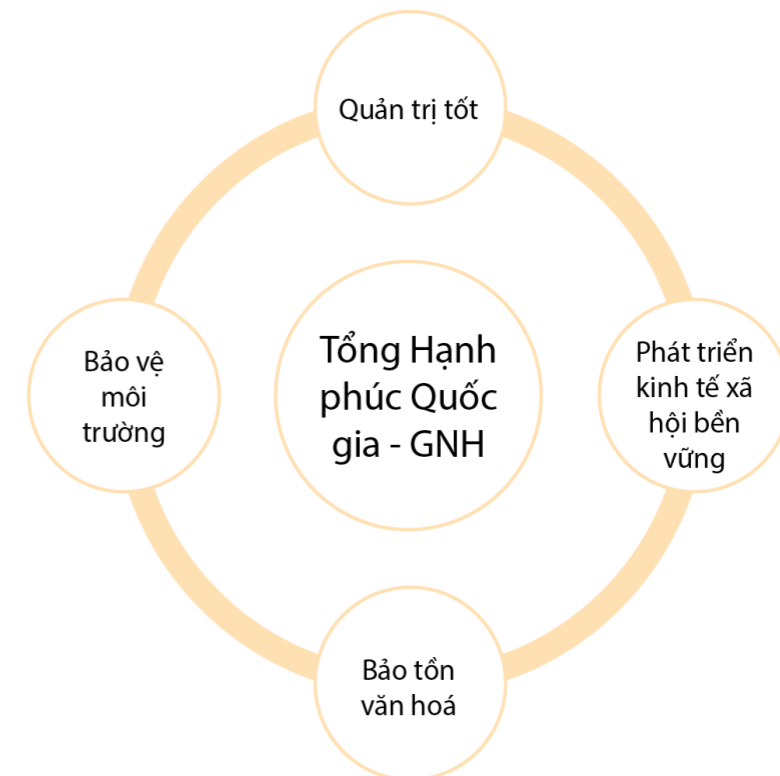
Tìm hiểu thêm về mô hình Do-nut: <https://doughnuteconomics.org/>

### Mô hình chính sách - Tổng Hạnh phúc Quốc gia (GNH)

Tổng Hạnh Phúc Quốc gia (Gross National Happiness - GNH) là khái niệm được đưa ra bởi vị vua thứ 4 của Bhutan - Jigme Singye Wangchuck từ những năm 1970 để thay thế Tổng Sản phẩm Quốc nội (Gross Domestic Product) trở thành thước đo sự phát triển đất nước. Khái niệm này được đưa ra với mục đích hoàn thiện thước đo về phát triển bền vững, hướng sự chú ý sang những yếu tố phúc lợi phi kinh tế [40].



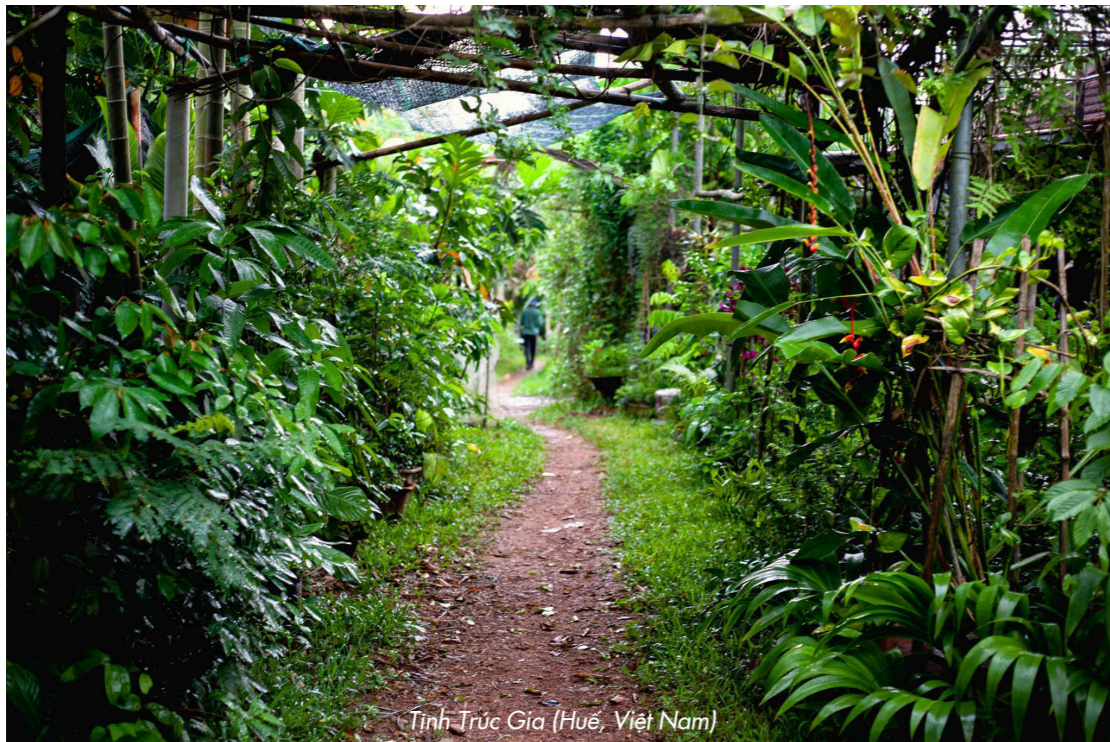
Khung lý thuyết của Tổng Hạnh phúc Quốc dân được xây dựng dựa trên bốn trụ cột chính: quản trị tốt, phát triển kinh tế xã hội bền vững, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường.



Hình 5: Bốn trụ cột của GNH [4]

Để cụ thể hóa bốn trụ cột này, một hệ thống bao gồm chín khía cạnh đã được phát triển và sử dụng như thước đo của GNH. Chín yếu tố này bao gồm: sức khỏe tinh thần, sức khỏe thể chất, giáo dục, quỹ thời gian, sức mạnh và đa dạng văn hóa, quản trị tốt, sức sống cộng đồng, đa dạng sinh học, chất lượng cuộc sống [19].

Tại Việt Nam, mô hình chín khía cạnh của Tổng Hạnh phúc Quốc gia GNH đã được áp dụng vào chương trình giáo dục và phát triển cộng đồng tại Trung tâm đào tạo người khuyết tật Tịnh Trúc Gia (Thành phố Huế) [18].



Giới thiệu về Tịnh Trúc Gia:

*Nơi đây vừa là một trung tâm dạy nghề, vừa là cộng đồng chung sống dành cho các bạn trẻ có khó khăn về phát triển trí tuệ. Mong muốn tiên quyết của Tịnh Trúc Gia đó là mỗi thành viên đều được sống trong một môi trường lành mạnh, có các điều kiện thuận lợi để hạnh phúc.*

*Mỗi bạn đều được đào tạo nghề và phát triển nghề nghiệp sao cho phù hợp với khả năng và nguyện vọng của mình. Qua công việc ở xưởng, các bạn vừa xây dựng sự tự tin và độc lập, vừa tạo ra sản phẩm có ích cho xã hội.*

*Đời sống cộng đồng ở Tịnh Trúc Gia hình thành hoàn toàn dựa trên nhu cầu của các bạn. Các hoạt động và sự kiện đều diễn ra theo nhịp điệu của ngày, của mùa và của năm; nhờ trật tự có*

*sẵn này, các bạn cảm thấy an toàn mà vẫn tự do. Đặc trưng trong lối sống của Tịnh Trúc Gia đó là sự gìn giữ nét sống Á Đông và nét văn hoá Huế; tuy vậy, cộng đồng vẫn khéo léo chất lọc và đổi mới theo những gì tốt và lành từ minh triết thế giới và tư tưởng hiện đại.*

*Với cam kết chăm sóc cho Đất Mẹ, Tịnh Trúc Gia thực hành lối sống sinh thái và làm vườn theo phương pháp Biodynamic.*

*Tịnh Trúc Gia hiện cũng là một trung tâm đào tạo về trị liệu xã hội và nông nghiệp Biodynamic.*



Hình 6 - Bảng đánh giá chỉ số GNH tại Tịnh Trúc Gia (Huế, Việt Nam)

Tìm hiểu thêm về GNH: <http://www.gnhcentrebutan.org/>

Tìm hiểu thêm về Tịnh Trúc Gia: <https://www.facebook.com/tinhtrucgia>

## Phong trào xã hội - Quyền của Tự nhiên (The Rights of Nature)



Hình 7: Người dân bản địa biểu tình phản đối việc xây dựng đường ống dẫn dầu ở Canada, thứ sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước, con người và hệ sinh thái trong khu vực (Ảnh: AFP)

Nhiều quốc gia trên thế giới đưa “quyền được sống trong môi trường trong lành” là một trong những quyền công dân cơ bản. Đơn cử như Hiến pháp của Kenya có đoạn: “Mọi người đều có quyền có một môi trường trong sạch và lành mạnh. . . .” [37]. Hay Điều 14 của Hiến pháp Ecuador quy định, “Quyền của người dân được sống trong một môi trường lành mạnh và cân bằng sinh thái đảm bảo tính bền vững ... được công nhận.” [29]. Tuy nhiên những hạng mục nhân quyền này lại phụ thuộc trực tiếp vào “phúc lợi” của tự nhiên. Nếu môi trường không trong lành và khỏe mạnh thì con người cũng sẽ bị ảnh hưởng. Con người không thể thịnh vượng và hạnh phúc khi sống trong môi trường ô nhiễm với chất lượng đất, nước, không khí thoái giảm, khi không có đủ nguồn thức ăn nước uống đảm bảo và khi bị mất kết nối với tự nhiên.

Quyền của Tự nhiên là một khái niệm quản trị sinh thái, nhưng cũng là một phong trào xã hội đang nở rộ trên thế giới với xuất phát điểm từ những năm 1970 [16].

Khái niệm Quyền của Tự nhiên được “Liên minh Toàn cầu về Quyền của Tự nhiên” (Global Alliance for the Rights of Nature) định nghĩa như sau [17]:

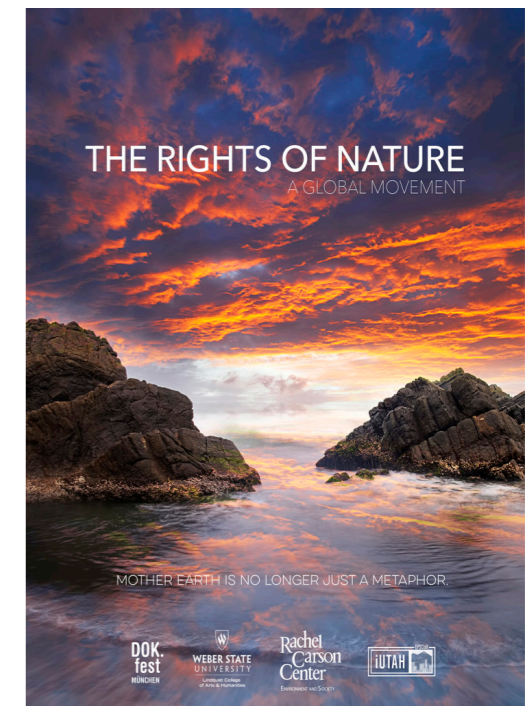
*Quyền của Tự nhiên là sự công nhận và tôn vinh rằng Thiên nhiên có quyền, sự công nhận rằng các hệ sinh thái - bao gồm cây cối, đại dương, động vật, núi non - có quyền cũng giống như con người có nhân quyền. Quyền của Tự nhiên cân bằng những gì tốt cho con người với những gì tốt cho các loài khác và những gì tốt cho hành tinh như một thế giới thống nhất. Đó là sự công nhận tổng thể rằng mọi sự sống, mọi hệ sinh thái trên Trái Đất đều gắn bó với nhau một cách sâu sắc.*

*Thay vì coi thiên nhiên là tài sản trong luật pháp, Quyền của Tự nhiên thừa nhận rằng thiên nhiên ở mọi dạng sống của nó có quyền tồn tại, phát triển, duy trì và tái tạo các chu trình sống của nó.*

*Và chúng ta - những người dân - có thẩm quyền pháp lý và trách nhiệm thực thi các quyền này thay mặt cho những hệ sinh thái.*

Mỹ là nơi những luật về Quyền của Tự Nhiên đầu tiên trên thế giới được ban hành tại một số bang địa phương từ năm 2006. Hiện nay có 10 bang tại Mỹ ghi nhận Quyền của Tự nhiên trong hơn 30 văn bản luật [29].

Ecuador đã đi vào lịch sử khi là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Hiến pháp quốc gia công nhận Quyền của Tự Nhiên vào năm 2008. Điều 71 của Hiến pháp nước này có viết “Tự nhiên - hay Mẹ Trái Đất (Pacha Mama) - nơi sự sống được sinh sôi và nảy nở, có quyền được tôn trọng toàn diện cho sự tồn tại của mình; và cho việc duy trì và tái sinh các chu trình sống, cấu trúc, chức năng và các quá trình tiến hóa” [29].



Hình 8: Bộ phim tài liệu “THE RIGHTS OF NATURE: A GLOBAL MOVEMENT” (tạm dịch là “Các quyền của tự nhiên: Một phong trào toàn cầu), nói về sự phát triển và bảo vệ quyền của tự nhiên ở một số nước trên thế giới.



Bolivia là nước tiếp sau đó ban hành luật về Quyền của Tự nhiên vào năm 2010. Từ đó đến nay, đã có nhiều trường hợp tòa án tại một số quốc gia như Colombia, Ấn độ và Nghị viện New Zealand đã công nhận quyền pháp lý của sông ngòi và các hệ thống sinh thái khác [29].

Tìm hiểu thêm về phong trào Quyền của Tự nhiên

Website: <https://www.therightsofnature.org/>

Phim tài liệu “The Rights of Nature - A global movement”

### Thu nhập cơ bản toàn cầu (Universal basic income)

Thu nhập cơ bản toàn cầu - Universal Basic Income - UBI (còn có một số cách gọi khác như thu nhập cơ bản tối thiểu, thu nhập cơ bản vô điều kiện) là một đề xuất chính sách xã hội nhằm phát triển một hệ thống phúc lợi mới cho toàn bộ dân cư, trong đó tất cả người dân (từ độ tuổi trưởng thành) sẽ nhận được một khoản tiền hỗ trợ cơ bản hàng tháng từ chính phủ mà không đi kèm với điều kiện về việc làm hay công cụ đánh giá nào [8]. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, điều kiện sống và mức tiêu thụ của mỗi nước, mức thu nhập cơ bản này có thể được thiết lập bằng quy ước tính 50% mức lương trung bình của quốc gia và phải luôn lớn hơn chuẩn nghèo của quốc gia đó; và nguồn tiền này sẽ đến từ tiền thuế hiện đang sử dụng cho phúc lợi xã hội hoặc điều chỉnh từ các mục đích sử dụng khác [21]. Đề xuất này đang nhận được nhiều sự quan tâm trên toàn thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh hiện tại khi khoảng cách giàu nghèo trên thế giới ngày một gia tăng trong khi những khủng hoảng về sinh thái và xã hội liên tiếp đặt ra những thách thức trong việc đảm bảo an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống.



Hình 9: Bằng chứng của sự chênh lệch giàu nghèo lớn ở Brazil (Ảnh: mappingignorance.org)

Theo báo cáo thịnh vượng toàn cầu năm 2020 của The Credit Suisse, 1% số người giàu nhất thế giới đang nắm giữ 43.4% của cải toàn cầu [9]. Còn số liệu từ Oxfam cho thấy khoảng cách giữa những tỷ phú thế giới với 50% nửa dưới của dân số (về sự giàu có) đang ngày càng gia tăng trong khi khoản thuế mà các nhà tài phiệt và các tập đoàn đóng góp cho ngân sách lại ngày một giảm [32]. Không chỉ vậy, sự mất bình đẳng còn thể hiện ở mức độ tiếp cận đến các dịch vụ sức khỏe và phúc lợi xã hội, Những người nghèo và người yếu thế (phụ nữ và trẻ em, người già, người có vấn đề về sức khỏe trở nên dễ bị tổn thương hơn cả khi xảy ra những sự cố về thiên tai, dịch bệnh hay bất ổn kinh tế xã hội. Những nước thu nhập cao như Mỹ và các nước Châu Âu đang sở hữu 47% liều vaccine Covid-19 trên toàn thế giới trong khi dân số của các nước này chỉ chiếm 16% thế giới [24].

Những lập luận ủng hộ việc đưa ra một mức thu nhập cơ bản toàn cầu cho rằng việc áp dụng một biện pháp toàn cầu như UBI (tương lai có thể thay thế cho hệ thống phúc lợi xã hội hiện nay) sẽ đem lại nhiều lợi ích ngoài việc gia tăng phúc lợi xã hội, hỗ trợ ứng phó với khủng hoảng và làm dịu đi bất công xã hội. Đây có thể là một sự đảm bảo cho người dân khi trong tương lai công nghệ có khả năng khiến nhiều người mất việc, hoặc giảm các gánh nặng sinh kế giúp con người sống hạnh phúc hơn.





Hình 10: Thử nghiệm phân chia thu nhập cơ bản ở Ấn Độ (Ảnh: basicincome.org)

Một số ý kiến phản biện cho rằng UBI có thể ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, tuy nhiên đã có một số nghiên cứu chỉ ra UBI thậm chí còn có thể thúc đẩy phát triển kinh tế bởi người dân được hỗ trợ để tham gia vào nền kinh tế một cách thoải mái hơn [31]. Một lo ngại khác khi thực hiện UBI đó là liệu việc nhận được một thu nhập ổn định hàng tháng một cách vô điều kiện từ chính phủ có khiến cho người dân mất động lực làm việc hay không? Hiện nay chưa có những nghiên cứu chứng minh được luận điểm này. Nhiều luồng ý kiến khác bảo vệ UBI lại cho rằng nguồn thu nhập ổn định này sẽ giúp con người cảm thấy bớt áp lực hơn, họ có thể lựa chọn những công việc thực sự phù hợp với đam mê và sở thích thay vì chỉ làm việc để kiếm sống.

Mặc dù còn nhiều tranh luận xoay quanh UBI trên toàn thế giới, một số nước như Canada, Thụy Sĩ, Phần Lan và Ấn Độ đang bắt đầu đưa vào thử nghiệm chính sách này ở các cấp độ khác nhau [38]. Trong tương lai, chúng ta sẽ có thể tìm thấy nhiều thông tin, nghiên cứu và kinh nghiệm được chia sẻ hơn về chủ đề này. UBI vừa là một ý tưởng táo bạo, nhưng cũng vừa là một giải pháp tiềm năng để giải quyết những vướng mắc của hệ thống an sinh xã hội hiện tại, giải quyết các thách thức về bình đẳng và quyền tiếp cận, hướng tới xã hội tự do, dân chủ và công bằng hơn cho tất cả mọi người.

## Phong trào cộng đồng - Khu phố chuyển dịch (Transition Town)

Khu phố chuyển dịch là một phong trào xã hội được ra đời từ năm 2005 tại thị trấn Totnes, Vương Quốc Anh. Phong trào liên kết cộng đồng địa phương để hướng tới xây dựng tầm nhìn và tái thiết lập cho cộng đồng bền vững. Hiện mô hình Khu phố chuyển dịch đã và đang được áp dụng tại hơn 1400 cộng đồng trên hơn 50 quốc gia [22].



Thị trấn Totnes ở Anh (Ảnh: stock.adobe.com)

Đối mặt với những thách thức và khủng hoảng mang tính toàn cầu như bất công xã hội, xung đột và chiến tranh hay biến đổi khí hậu có thể khiến bất cứ ai trong chúng ta cảm thấy bất lực và nản chí. Khu phố chuyển dịch lựa chọn hướng tiếp cận từ cộng đồng địa phương, giải pháp được đưa ra từ chính những người sống trong khu vực - người hiểu rõ những sự tương tác phức tạp của các yếu tố xã hội, tự nhiên và kinh tế nơi đây.

Khu phố chuyển dịch đề cao việc xây dựng một văn hóa quan tâm và hỗ trợ lẫn nhau để tái kết nối con người với bản thân, với cộng đồng và với tự nhiên [22]. Các hoạt động cụ thể rất đa dạng, từ thúc đẩy kinh tế bản địa, hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương, tiến hành các nghiên cứu xã hội, hỗ trợ cộng đồng nâng cao kỹ năng tới xây dựng mạng lưới tương trợ và kết nối.

Mỗi nhóm Khu phố chuyển dịch ở từng địa phương sẽ cùng ngồi lại và đồng kiến tạo nên những thay đổi mà họ muốn thấy ở nơi mình sống. Tuy nhiên, phong trào toàn cầu này cũng có những tiêu chí cơ bản mà mọi người tham gia cùng đồng thuận với nhau.



Hình 11: "Khu phố chuyển dịch" thị trấn Fujino ở tỉnh Kanagawa, Nhật Bản. Thị trấn đang tiến tới tự chủ về năng lượng với việc sử dụng pin mặt trời (Ảnh: ourworld.unu.edu)

Những nguyên tắc của Khu phố chuyển dịch [22, 9]:

- Tôn trọng những nguồn tài nguyên có hạn (như nguyên liệu hóa thạch) và xây dựng sức mạnh tự thân.
- Thúc đẩy sự tham gia và công lý xã hội, đặc biệt là những nhóm người yếu thế.
- Tạo động lực và hỗ trợ việc ra quyết định ở những cấp độ phù hợp.
- Chú ý mang lại sự cân bằng cho thành viên (về trí não, thể chất và tinh thần).
- Mỗi dự án là một phần của một mạng lưới thử nghiệm không ngừng học hỏi.
- Ý tưởng, vai trò và quyền quyết định được chia sẻ đồng đều và tự do.
- Hợp tác và tìm kiếm sức mạnh từ những sự giao thoa và kết hợp nguồn lực.
- Thúc đẩy tầm nhìn tích cực và sự sáng tạo trong cộng đồng.

Một số sáng kiến và thực hành được áp dụng trong mạng lưới Khu phố chuyển dịch:

- Nông nghiệp Đô thị: xây dựng vườn cộng đồng, hỗ trợ thực hành làm vườn tại gia đình, tổ chức hội chợ nông nghiệp hữu cơ tại thành phố cho nông dân ở những vùng lân cận tham gia.
- Năng lượng bền vững: lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho các công trình công cộng hay nhà văn hóa, thúc đẩy văn hóa đạp xe (ngày hội đạp xe, trạm sửa chữa xe đạp).
- Kinh tế địa phương: tổ chức hội chợ địa phương, quán cafe sửa chữa đồ đạc, lưu hành đồng tiền địa phương.

- Hỗ trợ cộng đồng: những buổi chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng, tổ chức ngày hội cho cộng đồng.
- Không gian cộng đồng: tủ sách/thư viện cộng đồng, rạp chiếu phim khu phố, vườn cộng đồng, sân chơi cho trẻ em.

Tìm hiểu thêm về mạng lưới và các sáng kiến trong Khu phố chuyển dịch tại website <https://transitionnetwork.org/>

### Mạng lưới chia sẻ năng lượng mặt trời ở nông thôn - SOLshare (Bangladesh)

Việc hỗ trợ những cộng đồng yếu thế, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi, tiếp cận với những nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng sạch luôn là một thách thức đặt ra với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Mô hình SOLshare đang được thực hiện tại Bangladesh là một trường hợp điển hình có thể gợi ý hướng tiếp cận mới hiệu quả để đưa năng lượng mặt trời đến với mọi người. SOLshare đã thử nghiệm thành công mạng lưới trao đổi điện giữa các hộ gia đình (peer-to-peer - P2P) sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) đầu tiên trên thế giới cho các gia đình nông thôn có mạng lưới năng lượng mặt trời và cả những gia đình chưa có [42].



Hình 12: Lắp đặt pin năng lượng mặt trời ở nông thôn Bangladesh (Ảnh: me-solshare.com)

Tại Bangladesh, nơi có tới 41% dân số chưa tiếp cận được với mạng lưới điện quốc gia, những giải pháp năng lượng mặt trời tại hộ gia đình chưa tỏ ra hiệu quả bởi những tấm pin lẻ cho từng hộ gia đình không đủ để cấp điện cho các thiết bị cần nhiều điện năng, trong khi đó những mạng lưới điện quy mô nhỏ lại quá đắt đỏ với đa số người dân. Giải pháp của SOLshare kết hợp giữa hệ thống năng lượng mặt trời tại nhà với hệ thống điện quốc gia quy mô nhỏ để giúp người dân tiếp cận năng lượng tái tạo với giá rẻ [42].

Cụ thể, mô hình này kết nối các hệ thống năng lượng mặt trời gia đình, tạo thặng dư từ năng lượng mặt trời dư thừa tại chỗ bằng tiền điện thoại và trao quyền cho các cộng đồng nông thôn kiểm thu nhập trực tiếp. Mỗi công tơ được lắp đặt trong một hộ gia đình có hoặc không có sẵn hệ thống điện mặt trời tại nhà. Thiết bị đo dòng điện vào và ra, góp phần kiểm soát tổng thể



Hình 13: Người dân chủ động quản lý lưới điện với sự hỗ trợ của công nghệ (Ảnh: ciclovivo.com.br)

lưới điện, cho phép tùy chọn theo sở thích của người dùng (tức là chế độ mua hoặc bán) và tối ưu hóa cho trạng thái sạc pin. Các công tơ SOLshare được kết nối với nhau tạo thành mạng lưới mua bán điện SOLshare, cho phép mua bán điện ngang hàng giữa các gia đình



Hình 14: Một dược sĩ tại Bangladesh sử dụng SOLshare tại hiệu thuốc (Ảnh: blog.empowering-people-network.siemens-stiftung.org)

trong làng. Các gia đình có thể lựa chọn lắp đặt thêm tấm pin năng lượng mặt trời để gia đình có thể thu được nhiều điện năng hơn, và từ đó có thể bán điện cho những gia đình khác [42].

Điểm đặc biệt của mạng giao dịch điện SOLshare là hệ thống quản lý dữ liệu và điều khiển lưới điện hỗ trợ CNTT-TT, cho phép người dùng giao dịch điện, tích hợp hệ thống tiền trên điện thoại để thanh toán từ xa, cho phép giám sát và khóa hệ thống, cung cấp dữ liệu để phân tích và tối ưu hóa lưới chức năng [42].

Mô hình này cho phép cộng đồng chủ động đi đầu sự chuyển dịch năng lượng vi mô từ cấp cơ sở, thúc đẩy phát triển năng lượng bền vững, hỗ trợ sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tìm hiểu thêm về SOLshare tại website: <https://me-solshare.com/v>

### Mô hình mạng lưới nông nghiệp - Thamturakit (Thái Lan)

Thamturakit (có nghĩa là “kinh doanh công bằng” trong tiếng Thái) được thành lập bởi Jon Jandai cùng các đồng nghiệp tại Trung tâm giáo dục Pun Pun và Ajaan Yak - một chuyên gia về “kinh tế đầy đủ” của Thái Lan.

Thông thường trong nông nghiệp phổ biến ở Thái Lan, người nông dân được các tập đoàn lớn thu mua nông sản với một hạn ngạch khổng lồ mà họ phải đáp ứng ở cuối vụ để được trả tiền theo một mức giá nhất định. Việc canh tác theo hợp đồng như vậy khiến cho người nông dân chịu rất nhiều sức ép và nhận lại chẳng bao nhiêu. Đồng thời, với mong muốn đảm bảo năng suất, nông dân cần phải sử dụng nhiều chất hóa học (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt nấm, phân bón hóa học) trên nông trại của mình, cùng với những phương thức canh tác không bền vững, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân họ, của người tiêu dùng và môi trường. Vì vậy, sự quan tâm của thị trường với nông sản hữu cơ ngày một tăng



Ông Jon Jandai, người thành lập trung tâm Pun Pun (Ảnh: jon-jandai.com)



Hình 15: Một lớp học về bảo quản hạt giống tại trung tâm Pun Pun  
(Ảnh: punpunthailand.org)

và người nông dân mong muốn thực hành nông nghiệp sinh thái, nuôi trồng đa dạng và bền vững hơn. Đây là những điều kiện thuận lợi để mô hình của Thamturakit phát triển.

Để tham gia vào hệ thống doanh nghiệp xã hội này, tất cả các bên từ nông dân, khách hàng, nhà chế biến, kênh phân phối đều phải tham gia một khóa tập huấn dài bốn ngày được tổ chức tại chính các nông trại. Qua đó, các bên liên quan được làm quen và hiểu về nhau cũng như về triết lý công việc của nhau, được thực sự tham gia vào các khâu sản xuất tại vườn. Sâu xa hơn nữa, những hoạt động tập huấn này mong muốn chia sẻ về lối sống giản đơn và thân thiện với tự nhiên [46].



Trung tâm Pun Pun (Ảnh: youtube.com)

đồng thời những người tiêu dùng ở đô thị này được nhận lại cơ hội kết nối với những người làm nên chính thực phẩm cho mình.

Đặc biệt, có rất nhiều khách hàng đã trở thành tình nguyện viên cho hợp tác xã nông dân, hỗ trợ những mảng công việc như thiết kế, kế toán...

Trong hệ thống này, nông dân chính là trung tâm, là người làm chủ chuỗi giá trị sản phẩm của mình mà hầu như không phải đi qua thương lái trung gian. Với mô hình kinh tế tự chủ, nông dân trồng đa dạng các loại cây trồng đủ cho bản thân gia đình họ sử dụng, đồng thời bán lại thặng dư cho mạng lưới. Theo cơ chế thị trường thông thường, rất khó để nông dân có thể bán được nông sản theo hình thức này. Thamturakit đã xây dựng một hệ thống nhận và giao hàng để sẵn sàng tiếp nhận những loại nông sản đa dạng dù với khối lượng nhỏ. Tất cả các loại nông sản ở Thamturakit đều có giá như nhau và tính trên kg, cho phép nông dân dễ dàng bán bất cứ loại nông sản nào họ có dư ở trong vườn. Mô hình này đảm bảo người nông dân được no đủ và trả công xứng đáng, cộng đồng được hưởng lợi từ những nông sản đa dạng và an toàn [46].

Về mặt tổ chức, bất cứ ai cũng có thể mua cổ phần của Thamturakit, tuy nhiên quyền quyết định được chia đều cho mọi người, không phụ thuộc vào việc anh có nhiều cổ phần hay không. Thamturakit cũng không nhận đầu tư từ ngân hàng, các nhà đầu tư mạo hiểm hay các nguồn tư bản khác bởi họ muốn mạng lưới của mình luôn giữ được giá trị cốt lõi - đó là đem lại lợi ích công bằng cho cả nông dân, người tiêu dùng và hệ sinh thái [46].

Tìm hiểu thêm về Thamturakit tại: <http://www.thamturakit.com/>

### Mô hình doanh nghiệp xã hội - Vietherb (Việt Nam)

Các hóa chất tổng hợp đang dần trở thành “người bạn thân” của mỗi công dân hiện đại, chúng có mặt trong hầu hết mọi sản phẩm mà chúng ta nhìn thấy xung quanh nhà - từ sản phẩm chăm sóc cơ thể, sản phẩm làm sạch, các chất khử mùi... Theo Nhóm Nghiên cứu Môi trường, trung bình mỗi ngày phụ nữ dùng 12 sản phẩm chăm sóc cơ thể, chứa tới 168 chất hóa học khác nhau; nam giới dùng ít hơn nhưng cũng đắp lên mình khoảng 85 loại chất hóa học [28]. Tuy nhiên, những sản phẩm này không chỉ có nguy cơ tác động xấu lên sức khỏe con người sau một thời gian dài sử dụng, mà còn còn gây ô nhiễm và để lại nhiều hậu quả xã hội trong suốt vòng đời của chúng (từ khi khai thác, sản xuất tới phân phối, tiêu dùng và thải bỏ). Bởi vậy, phong trào tìm về những sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, không sử dụng hóa chất độc hại và những sản phẩm có tính truyền thống đang ngày càng nở rộ.

Ở Việt Nam, có một doanh nghiệp mang tên Việt Herb (Thảo mộc Việt) đang cùng một số thầy thuốc nam và người nông dân ở Lạng Sơn trồng rừng và cây thuốc, nghiên cứu và ứng dụng những tri thức dân gian truyền thống, những bài thuốc cổ truyền thành sản phẩm tốt chăm sóc sức khỏe con người. Vietherb đặt cho mình sứ mệnh lưu giữ những bài thuốc nam



Hình 16: Một sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh và sản phụ làm từ thảo mộc của Vietherb (Ảnh: vietherb.vn)

và các cây thuốc bản địa, hỗ trợ thầy thuốc nam, ứng dụng các bài thuốc vào cuộc sống bằng các sản phẩm từ thảo mộc, đồng thời trở thành mạng lưới kết nối thầy thuốc và người tiêu dùng [45].

Những giá trị cơ bản của Vietherb [45]:

- Chỉ phát triển sản phẩm từ cây thuốc bản địa và nguồn nguyên liệu thuần Việt, tuyệt đối không sử dụng bất kỳ hóa chất tổng hợp nào trong chế biến hay bảo quản sản phẩm.
- Hạn chế sử dụng bao bì công nghiệp mà việc sản xuất gây hao tổn tài nguyên – bao bì khó phân huỷ và không thể tái sử dụng.
- Gieo trồng cây thuốc theo đúng điều kiện sinh trưởng trong tự nhiên của cây thuốc đó, không trồng độc canh, không sử dụng hoá chất hay công nghệ nuôi cấy mô trong nhân giống, không sử dụng phân bón hoá học và hoá chất trong chăm sóc.
- Tôn trọng và bảo vệ quyền sở trí tuệ bài thuốc gia truyền của các thầy thuốc, phát triển các bài thuốc này trên cơ sở luôn giữ mối quan hệ gắn kết giữa thầy thuốc và sản phẩm.
- Sống bình dị, yêu thiên nhiên cây cỏ, sống không gây hại cho môi trường đất, nước, không khí, có niềm tin vào khả năng vô hạn của tự nhiên, tôn vinh tri thức thuốc nam truyền thống.

Đồng thời, doanh nghiệp xã hội này cũng cam kết tối thiểu 51% lợi nhuận sẽ được sử dụng cho các hoạt động bảo tồn và phát triển cây thuốc, bài thuốc và hỗ trợ thầy thuốc [45].

Tìm hiểu thêm tại: <https://vietherb.vn/>

## Hoạt động nghiên cứu - Quỹ Rosa Luxemburg tại Đông Nam Á



Hình 17: Bà Rosa Luxemburg, nhà triết học người Đức, người đấu tranh cho công bằng và dân chủ trong xã hội (Ảnh: wikipedia)

Quỹ Rosa Luxemburg đến từ Cộng hòa liên bang Đức với những hoạt động trọng tâm về phát triển dân chủ xã hội theo hướng chủ nghĩa quốc tế. Quỹ này đã thành lập văn phòng Đông Nam Á tại Việt Nam từ năm 2009 và hiện đang làm việc với hơn 15 tổ chức đối tác là các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức phi chính phủ, cơ quan chính phủ và tổ chức nghiên cứu chính sách. Văn phòng tại Hà Nội của Quỹ RLS có nhiệm vụ hỗ trợ quá trình chuyển đổi và phát triển tại các quốc gia như Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma trở thành những xã hội công bằng, bền vững về sinh thái và tham gia toàn diện [34].

Nằm ở trung tâm của châu Á Thái Bình Dương với tốc độ phát triển nhanh hàng đầu thế giới, Việt Nam đối

mặt với nhiều thách thức và khủng hoảng sinh thái cũng như xã hội dưới áp lực của quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và phát triển kinh tế. Những tác động lâu dài lên môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học, sức khỏe và sinh kế của người dân ngày một tăng và khó dự đoán.

Chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) là một trong những



Hình 18: Văn phòng của quỹ Rosa Luxemburg tại Việt Nam, đứng giữa là ông Philip Degenhardt - giám đốc khu vực (Ảnh: rosalex.de)

sứ mệnh của quỹ Rosa Luxemburg tại Châu Á, cùng với Công bằng xã hội và Đối thoại quốc tế. Với niềm tin rằng phát triển bền vững không thể đạt được thông qua sự chú trọng hoàn toàn vào tăng trưởng kinh tế dựa trên lối sống lãng phí mà bỏ qua phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, quỹ Rosa Luxemburg thảo luận mô hình SET (chuyển đổi sinh thái – xã hội)

với các đối tác như một mô hình phát triển thay thế chú trọng vào chất lượng của quá trình phát triển. Cách tiếp cận mới này hướng tới thực thi quyền xã hội, bảo đảm bền vững sinh thái, tuần hoàn kinh tế địa phương và bảo đảm thương mại quốc tế cùng có lợi. Quỹ Rosa Luxemburg phối hợp với các đối tác tổ chức hội thảo, hội nghị và công bố các nghiên cứu để thúc đẩy thảo luận các mô hình thay thế và xây dựng năng lực thiết chế chính trị [34].

Tìm hiểu thêm tại website <https://rosaluxhanoi.org/>

### Phong trào Văn Phòng Xanh (Green Office) tại trường học

Green Office (Văn phòng Xanh) - viết tắt là GO - là một phong trào gắn kết sinh viên và cán bộ giáo viên tại các trường đại học để cùng hành động hướng tới trường học bền vững. Phong trào này được phát triển từ châu Âu vào năm 2010 với Văn phòng Xanh đầu tiên tại Trường Đại học Utrecht - Hà Lan. Tới nay, phong trào này đã nhân rộng trên 51 trường đại học ở 9 nước trên 3 châu lục. Green Office cũng đã được giải thưởng UNESCO-Japan Giáo dục vì sự phát triển bền vững vào năm 2015 [35].



Hình 19: Một buổi chia sẻ ngoài trời của Green Office for KU Leuven về nông nghiệp đô thị (Ảnh: [greenofficforkuleuven.be](https://greenofficforkuleuven.be))

Mỗi sáng kiến Green Office/Văn phòng Xanh trong phong trào này là một nền tảng dành cho sự phát triển bền vững mà qua đó cả sinh viên và cán bộ giảng viên được tạo động lực

để đưa bền vững vào trong chương trình giảng dạy, nghiên cứu, vận hành, sinh hoạt cộng đồng và quản trị giáo dục [35].

Các sáng kiến về bền vững của sinh viên trong trường đại học thường bị hạn chế do thiếu nguồn tài trợ và cách tiếp cận nghèo nàn. Các sáng kiến do cán bộ giảng viên lãnh đạo thường gặp khó khăn trong việc thu hút sinh viên và huy động nhân lực hành động.

Không giống như các sáng kiến bền vững truyền thống, Green Office trao quyền cho sinh viên đi đầu các sáng kiến bền vững, cộng tác chặt chẽ và học hỏi từ cán bộ giảng viên, và nhận được tài trợ, ủy thác và hỗ trợ không gian từ ban quản lý trường đại học [35].

Green Office hướng tới xây dựng trường học bền vững thông qua các tiếp cận đa dạng và tổng thể [35]:

- Các nhà giáo dục truyền cảm hứng cho sinh viên nghiên cứu các chủ đề bền vững từ quan điểm đa lĩnh vực và thông qua các dự án thực tế.
- Các nhà nghiên cứu hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp và thành phố để tìm ra câu trả lời cho các thách thức về tính bền vững.
- Cán bộ nhân viên đưa tính bền vững vào các tòa nhà, phòng thí nghiệm hoặc cách họ mua sắm. Họ cũng làm việc với các nhà giáo dục để sinh viên được thực hành thông qua các dự án bền vững tại trường đại học.
- Sinh viên tham gia vào các chủ đề bền vững trong các nhóm sinh viên, các dự án học tập, các chương trình tình nguyện và thực tập.
- Ở cấp quản lý: trường đại học coi tính bền vững là trung tâm của chiến lược phát triển và phân bổ kinh phí để thực hiện.

Tìm hiểu thêm về phong trào Green Office tại các trường đại học và tải kho tài liệu miễn phí tại: <https://www.greenofficemovement.org/>

### Lối sống cá nhân - Phong trào sống tối giản (Minimalism)

Theo các tác giả của phong trào chuyển đổi sinh thái xã hội, một trong những nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng sinh thái và xã hội mà thế giới đang đối mặt chính là sự phổ biến của lối sống thượng lưu phương Tây và “vấn nạn” tiêu dùng quá mức [6]. Chủ nghĩa vật chất (hay chủ nghĩa tiêu dùng) được cho là một trong những lý do khiến con người rời xa khỏi tự nhiên và không quan tâm đến các vấn đề môi trường [23].

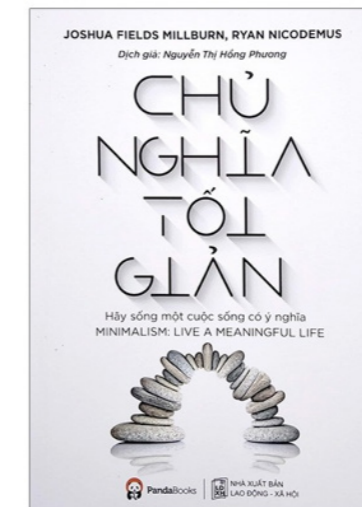
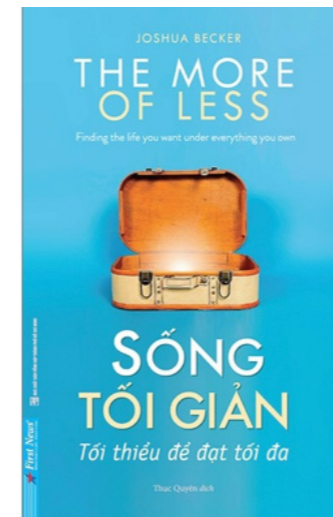
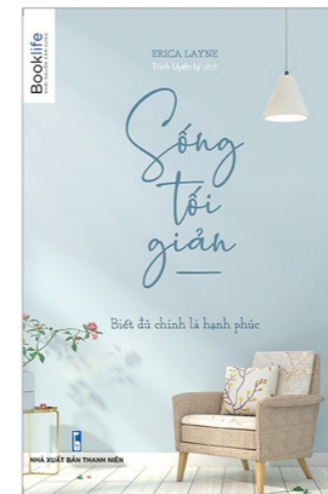


Hình 20: Toàn bộ tài sản cá nhân của Rob Greenfield - một người theo chủ nghĩa tối giản (Ảnh: robgreenfield.org)

Một phong trào với những nỗ lực của các cá nhân hướng tới một lối sống tiêu dùng ít hơn, tránh sa đà vào việc mua sắm và tích trữ đồ đạc, cũng như dành không gian và thời gian của bản thân cho những điều thực sự ý nghĩa trong cuộc sống - đó là lối sống tối giản [30]. Đây là một khái niệm tương đối trừu tượng và có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Khi nhìn nhận lối sống tối giản như một ví dụ của phong trào chuyển đổi sinh thái xã hội, chúng ta đang nói tới việc đơn giản hóa cuộc sống về cả vật chất và tinh thần.

- Về vật chất - giảm thiểu việc mua sắm - chỉ mua sắm những đồ dùng cần thiết, giảm lược đồ đạc trong gia đình, bỏ đi, đem tặng hoặc đem bán những món đồ không thực sự cần thiết hoặc không dùng đến, sắp xếp lại không gian gọn gàng ngăn nắp. Điều này cũng đồng nghĩa việc trân trọng những đồ đạc mà mình có.
- Về tinh thần (phi vật chất) - gạt bỏ những suy nghĩ tiêu cực, thói quen xấu (như trì hoãn công việc hoặc lãng tránh vấn đề của bản thân bằng việc mua sắm), những xao lãng không cần thiết, hay những mối quan hệ không tốt.

Việc sống tối giản thoạt nghe có vẻ như là một sự hy sinh sự thoải mái cá nhân, tuy nhiên những người đi theo chủ nghĩa tối giản lại suy nghĩ hoàn toàn ngược lại. Họ cho rằng một cuộc sống với ít bộn bề cả về vật chất và tinh thần sẽ giúp chúng ta sống vui vẻ nhẹ nhàng hơn, tăng khả năng tập trung, biết trân trọng những gì mình có và luôn sẵn sàng với như điều mới đến trong cuộc sống [30]. Đặc biệt, sống đơn giản tạo không gian và thời gian cho những



Hình 21: Một số đầu sách về lối sống tối giản bằng tiếng Việt

phẩm bền vững. Thêm vào đó, khi những đồ đạc còn hoạt động tốt được ra khỏi kho tủ và đến tay những người cần chúng bằng việc trao tặng hoặc bán đồ cũ, dòng vật chất sẽ được phân chia lại đồng đều hơn trong xã hội, và đây cũng là một cách tiềm năng để kết nối cộng đồng.

Một điều quan trọng cần lưu ý về lối sống tối giản, mặc dù đây đang được xem là một xu thế xã hội, đặc biệt là trong thế hệ trẻ, chúng ta cần rất cẩn trọng để xu thế này không trở thành một trào lưu tiêu dùng kiểu mới (bỏ đi những đồ vật cũ nhưng mua sắm đồ mới để hợp với phong cách tối giản). Sống tối giản và thân thiện với môi trường đồng nghĩa với việc giảm đi những nhu cầu vật chất, tiêu dùng và sở hữu ít đi, tìm cách tái chế hoặc tái sử dụng những món đồ đã trở nên “thừa thãi”, và đổi lại có một cuộc sống “giàu có” hơn về mặt tinh thần.

điều thực sự quan trọng và khiến chúng ta hạnh phúc hơn như thời gian nghỉ ngơi, kết nối với người thân, hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Phong trào sống tối giản sẽ làm đảo ngược những tác động tiêu cực của chủ nghĩa trọng tiêu dùng (consumerism) với việc mua sắm thái quá, sử dụng nhiều sản phẩm có tuổi đời ngắn và chạy theo xu hướng mua đồ chỉ để thỏa mãn những nhu cầu nhất thời. Từ đó, một cách gián tiếp sẽ làm giảm lượng rác thải tiêu dùng và tiết kiệm tài nguyên cần để sản xuất và phân phối sản phẩm, đồng thời giúp thanh lọc thị trường, ủng hộ những doanh nghiệp với sản

## TÂM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIỚI THIỆU CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI VÀO GIÁO DỤC

Một trong những điểm nổi bật của xu hướng Chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) là sự quan tâm **nghiên cứu và tìm hiểu sâu sắc về những mối tương quan và những vòng lặp phản hồi trong các mối quan hệ** xã hội - môi trường, xã hội - văn hóa, xã hội - kinh tế cũng như kinh tế - môi trường. Vì vậy, SET là một hướng tiếp cận tiềm năng trong giáo dục để dẫn dắt người học tìm tòi tận gốc của các thách thức phát triển hiện tại. Ví dụ, yếu tố bình đẳng giới liệu có ảnh hưởng tới việc thúc đẩy sử dụng phương tiện công cộng nhằm xây dựng thành phố xanh?

Chuyển đổi sinh thái xã hội cũng là một trong số ít những cách tiếp cận chú trọng đến việc **xem xét lại mối quan hệ giữa con người và tự nhiên** như là nền tảng của việc giải quyết các vấn đề xã hội hiện đại cũng như đưa ra các quyết định chính sách về kinh tế xã hội cũng như môi trường.

Trong một xã hội hiện đại khi lối sống thượng lưu “Tây hóa” đang ngày một chiếm ưu thế, khi các hoạt động sản xuất và tiêu dùng đang đi xa khỏi cán cân bền vững, khi phát triển kinh tế được đặt lên hàng đầu cho dù phải hy sinh các mặt môi trường và xã hội, thì việc đưa cách tiếp cận kéo lại sự cân bằng cho phát triển bền vững vào trong hệ thống giáo dục và nhà trường là một điều rất cần thiết.

Mặc dù “**chuyển đổi sinh thái xã hội**” là một khái niệm còn rất mới và có thể tạo ấn tượng của nghiên cứu học thuật, những ví dụ nêu ra trong tài liệu này cho thấy rằng phong trào hay mô hình này có thể được áp dụng ở rất nhiều lĩnh vực và cấp độ khác nhau. Trong số đó, nhiều mô hình đã và đang trở nên gần gũi, nhận được sự quan tâm tham gia của các bạn trẻ tại Việt Nam và trên thế giới. Vì vậy, lồng ghép chủ đề này vào hoạt động giáo dục một cách thân thiện, dễ hiểu và lôi cuốn là một hướng đi thiết thực để thúc đẩy và tạo cảm hứng cho thanh niên tham gia tích cực hơn vào việc xây dựng một tương lai bền vững.

# PHẦN 02

## LỒNG GHÉP CHUYỂN ĐỔI SINH THÁI XÃ HỘI VÀO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO THANH NIÊN



Trong thời đại hiện nay khi những câu hỏi lớn được đặt ra về sự vận hành kém bền vững của hệ thống kinh tế xã hội và những thách thức ngày một nghiêm trọng trong công cuộc bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thì chúng ta cần có một hướng đi mới để chạm đến tận gốc của khủng hoảng từ đó đưa ra những giải pháp căn bản và sâu rộng hơn. Vì vậy, việc giới thiệu và áp dụng chuyển đổi sinh thái xã hội vào giáo dục là cần thiết và có tiềm năng hỗ trợ đắc lực cho hoạt động giảng dạy hướng tới phát triển bền vững.

Tuy nhiên, chuyển đổi sinh thái xã hội là một hướng tiếp cận còn mới lạ trong cả lĩnh vực nghiên cứu và thực hành tại Việt Nam. Điều này vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội cho các hoạt động giáo dục trở nên toàn diện, đa dạng, sáng tạo và hiệu quả hơn. Tài liệu này không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin và kiến thức về chuyển đổi sinh thái xã hội, mà còn giới thiệu các phương thức, quy trình, công cụ để lồng ghép chủ đề này vào các hoạt động giáo dục để mang lại hiệu quả tác động đối với thanh niên và thúc đẩy thay đổi nhận thức cũng như hành động của các bạn.

## CÁC HÌNH THỨC LỒNG GHÉP CƠ BẢN

### Lồng ghép vào bài giảng

Chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) là một chủ đề đòi hỏi sự đào sâu tìm hiểu và phân tích, tuy nhiên về bản chất chủ đề này có sự kết nối với mọi mặt trong đời sống và trong phát triển, từ kinh tế - môi trường - xã hội tới văn hóa, giáo dục, công nghệ... Vì vậy, có nhiều lựa chọn lồng ghép chủ đề này vào giảng dạy.

Lưu ý: do tính mới của chủ đề này, để tránh gây nhầm lẫn hoặc khó hiểu, giảng viên nên giới thiệu rõ ràng bối cảnh của phong trào chuyển đổi sinh thái xã hội, những điểm nhấn của SET so với các phong trào phát triển khác, cũng như đưa ra các ví dụ cụ thể và gắn gũi với đời sống và hiện trạng địa phương.

Các giảng viên, giáo viên cũng như tập huấn viên có thể khai thác chủ đề này với nhiều góc nhìn và quy mô khác nhau, có thể đưa trực tiếp vào như một nội dung trọng tâm, hoặc đưa ra các thông tin bổ trợ cho bài giảng tùy vào trường hợp cụ thể.

Một số gợi ý:

- Nghiên cứu tác động của hiệp định thương mại X lên các mặt của sinh thái và xã hội tại Việt Nam
- Phân tích mối liên hệ giữa yếu tố giới và đại dịch Covid-19

- Ảnh hưởng của đại dịch toàn cầu lên kinh tế, sinh thái và xã hội tại những địa điểm du lịch
- Những yếu tố về sinh thái và xã hội ảnh hưởng tới nguy cơ lây lan bệnh truyền nhiễm
- Tìm hiểu về các doanh nghiệp có tác động tích cực lên môi trường, xã hội và văn hóa địa phương

Ngoài ra, để sinh viên có thể tiếp cận một cách chủ động hơn với chủ đề này, giảng viên có thể đưa ra những bài tập hay định hướng tìm hiểu, tham khảo thêm bằng việc dẫn dắt sinh viên lựa chọn một chủ đề cụ thể tùy theo môn học hoặc sở thích của sinh viên để áp dụng vào mô hình chuyển đổi sinh thái xã hội.

### Lồng ghép vào đề tài nghiên cứu

Như đã chia sẻ ở trên, chủ đề về chuyển đổi sinh thái xã hội còn mới mẻ không chỉ tại Việt Nam mà còn ở trên thế giới nói chung. Vì vậy hiện tại có rất nhiều tổ chức đang thực hiện thêm những nghiên cứu và phân tích để làm rõ cũng như xây dựng bộ khung vững chắc hơn cho khái niệm này. Đây cũng là một cơ hội để các cơ sở giáo dục cùng tham gia vào quá trình nghiên cứu, trao đổi và đồng kiến tạo.

Môi trường học thuật tại các trường đại học và cao đẳng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên cùng giảng viên và các nhà nghiên cứu có thể dành thời gian và nguồn lực cho những chủ đề mới như SET. Phạm vi rộng và tính đa ngành đa lĩnh vực của SET khiến việc lựa chọn các chủ đề nghiên cứu trở nên dễ dàng hơn và SET cũng có thể trở thành một yếu tố bổ sung và hỗ trợ những nghiên cứu đang có sẵn tại trường học hay học viện.

Một số ví dụ về nghiên cứu SET lồng ghép trong các chuyên ngành khác nhau như:

- Sự phát triển trí tuệ nhân tạo dưới góc nhìn chuyển đổi sinh thái xã hội
- Vai trò của nông nghiệp sinh thái trong chuyển đổi sinh thái xã hội
- Hướng đi mới cho du lịch địa phương để tham gia vào quá trình chuyển đổi sinh thái xã hội
- Chính sách công và chuyển đổi sinh thái xã hội
- Những biện pháp về năng lượng bền vững cần được ưu tiên trong quá trình chuyển đổi sinh thái xã hội

### Lồng ghép vào hoạt động tập huấn và đi thực tế

Tập huấn ngoại khóa là một hình thức hiệu quả khi muốn giới thiệu sâu hơn về một chủ đề nhất định đến sinh viên. Tùy điều kiện cụ thể về nguồn lực như nhân lực, thời gian, địa điểm,

tài chính... mà những tập huấn này có thể được tổ chức khác nhau. Ví dụ, trong điều kiện thời gian và nguồn lực hạn chế, giảng viên có thể tổ chức một buổi chia sẻ ngắn trong khoảng 2-3 tiếng về chủ đề “Chuyển đổi sinh thái xã hội” tại một địa điểm của nhà trường. Cũng với chủ đề này, giảng viên có thể chọn cách mời một nhân vật diễn giả với kiến thức và kinh nghiệm đến để chia sẻ với sinh viên trong vòng khoảng 2 tiếng, hoặc tổ chức một hoạt động phân tích trường hợp thực tế liên quan đến chủ đề.

Một đặc điểm của hình thức tập huấn là số lượng học viên tham gia không nên quá đông bởi điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng của buổi học. Tùy vào phương pháp cụ thể, một tập huấn thường có dao động từ 30 – 40 người tham gia. Các hoạt động tương tác càng nhiều thì số lượng người càng nên được giữ ở mức vừa phải. Với một buổi thiên về nghe chia sẻ của khách mời hay chiếu phim thì số lượng người tham gia có thể lớn hơn.

Mặc dù chủ đề chuyển đổi sinh thái xã hội còn mới mẻ và thường được liên tưởng nhiều tới lĩnh vực nghiên cứu hoặc vận động chính sách, những ví dụ ở phần một của tài liệu này đã phần nào cho thấy chủ đề này hoàn toàn có thể được áp dụng vào đa dạng ngành nghề và lĩnh vực khác nhau. Hoạt động tham quan thực tế thường sẽ kéo dài ít nhất nửa ngày (chưa tính thời gian di chuyển) và có thể hạn chế số lượng người tham gia tùy vào tính chất của địa điểm được chọn lựa. Với hoạt động tham quan thực tế về chủ đề chuyển đổi sinh thái xã hội, một lưu ý quan trọng là giảng viên cần làm rõ về khái niệm chuyển đổi sinh thái xã hội, cũng như tạo sự liên kết rõ ràng giữa chủ đề và địa điểm tham quan thực tế. Giảng viên có thể sử dụng các ví dụ ở phần trước của tài liệu này để tham khảo và tìm hiểu những trường hợp tương tự tại địa phương.

### Lồng ghép vào các sự kiện, chiến dịch, phong trào

Đây là hình thức lồng ghép khá quen thuộc với các bạn sinh viên bởi các trường học thường xuyên tổ chức các sự kiện hoặc phong trào ngoại khóa trong suốt năm học. Những sự kiện này có thể rất đa dạng về hình thức: từ cuộc thi, triển lãm tới hội chợ, sáng tạo nghệ thuật, hoạt động tình nguyện, hoặc tổng hợp nhiều hình thức tổ chức khác nhau.

Các sự kiện thường sẽ có tính lan tỏa rộng rãi và có khả năng hướng tới số lượng người tham gia lớn hơn so với tập huấn hay đi thực tế. Một điểm thú vị nữa của việc lồng ghép vào sự kiện, đó là sinh viên hoàn toàn có thể tham gia vào quá trình lên kế hoạch và tổ chức các sự kiện này cùng với các thầy cô. Điều này sẽ giúp các bạn nâng cao kỹ năng của bản thân và cũng có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về chủ đề của sự kiện.

Một số ví dụ về sự kiện theo chủ đề này: ngày hội sách sinh thái xã hội, cuộc thi sáng tác về chuyển đổi sinh thái xã hội, phong trào sáng tạo công nghệ xanh vì cộng đồng, hội chợ sản phẩm xanh của các doanh nghiệp xã hội...

## GỢI Ý MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP CHỦ ĐỀ VÀO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

*Chủ đề “Chuyển đổi sinh thái xã hội” (SET) có đặc thù đòi hỏi sự quan sát tổng thể và phân tích sâu sắc về những khía cạnh đằng sau một sự kiện, một dự án hay một quyết định được đưa ra. Vì vậy, để hỗ trợ người học hiểu về SET một cách kỹ lưỡng và toàn diện, tài liệu này giới thiệu một số công cụ giáo dục hỗ trợ đặc lực cho việc phát triển tư duy hệ thống.*



Hình 22: Các tầng thông tin trong mô hình tảng băng  
(Nguồn: Academy for Systems Change).

### Mô hình tảng băng

Cách mà chúng ta (cho dù là cá nhân, hay là một cộng đồng) phản ứng với một sự kiện hoặc một vấn đề ẩn chứa rất nhiều tầng thông tin và ý nghĩa. Mô hình tảng băng là một công cụ giúp chúng ta nhận thức và hiểu được những tầng thông tin và ý nghĩa đằng sau một sự kiện, bao gồm cả những tầng thông tin hiển nhiên mà ai cũng có thể nhận ra, và những tầng ẩn phía dưới bề mặt. Công cụ này rất hữu ích để gỡ mở những nguyên nhân sâu xa đằng sau một sự kiện hoặc một vấn đề hệ trọng [26].

Những sự kiện, xu hướng hay khuôn mẫu là phần nổi ở bên

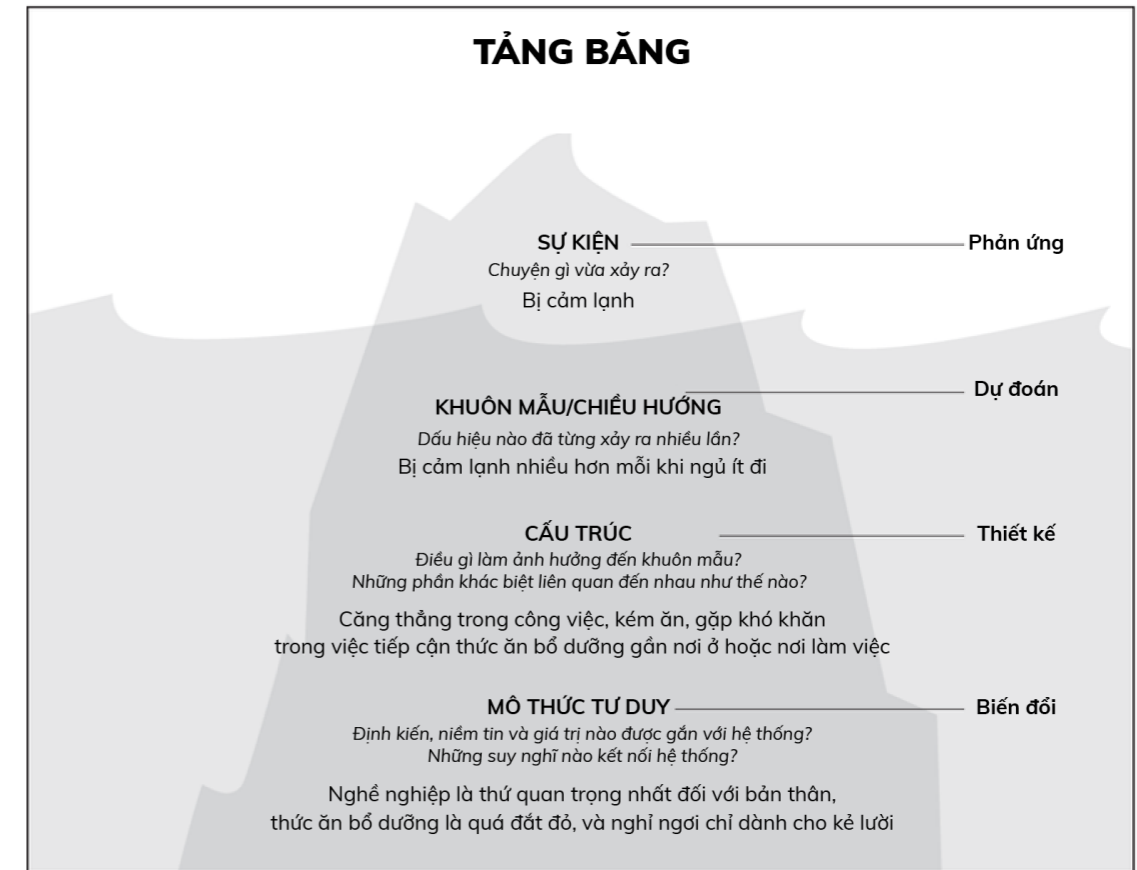
trên mặt nước của tảng băng - đây là thứ chúng ta vẫn thường thấy hoặc đã quen thuộc. Hệ thống và cấu trúc là những thứ ngấm ở dưới mặt nước - chúng thành tạo, sắp xếp, kết nối những sự vật sự việc nhưng thường nằm ngoài tầm mắt của chúng ta nếu không có quá trình phân tích hệ thống. Các thành phần trong hệ thống có tác động qua lại lẫn nhau, ảnh hưởng lên nhau và góp phần tạo ra những kết quả khó đoán định.

Chúng ta thường phản ứng hay xử lý một vấn đề bằng những giải pháp tạm thời và chỉ tác động đến những dấu hiệu trên bề mặt của vấn đề. Nhưng chính những phần nằm ẩn phía dưới của tảng băng mới thực sự có tác động gốc rễ tới hành vi, cấu trúc hệ thống, và cả mô thức tư duy của loài người và xã hội.

Áp dụng mô hình tảng băng vào bài tập phân tích giúp hiểu thấu đáo về một vấn đề và hệ thống vận hành đằng sau nó, xác định một số xu hướng hay khuôn mẫu liên quan, những cấu trúc vô hình và hữu hình, mục đích của hệ thống.

1. Lựa chọn một vấn đề cụ thể (ví dụ: tác động của dịch Covid-19 lên du lịch, hay việc nhiệt độ trung bình vào mùa hè tăng cao...)
2. Đưa ra các câu hỏi dẫn dắt thảo luận:
  - A. Mô tả cụ thể vấn đề hoặc sự kiện chúng ta đang quan tâm: các bạn quan sát được điều gì?
  - B. Đây là những xu hướng hay khuôn mẫu ẩn đằng sau những quan sát này?
  - C. Những cấu trúc/hệ thống nào trong xã hội đang thúc đẩy hay tạo điều kiện cho những xu hướng/khuôn mẫu này? Những cấu trúc/hệ thống thường nằm trong 4 loại chính:
    - a. vật chất (cơ sở hạ tầng, máy móc, đường xá...),
    - b. tổ chức (trường học, chính phủ, công ty...),
    - c. chính sách (luật, quy định, hệ thống thuế...),
    - d. thói quen (những hành động đã quá quen thuộc khiến ta không ý thức rõ về chúng nữa)
  - D. Ai là những bên liên quan trong câu chuyện này? Liệu có sự bất công hay mất cân bằng nào về xã hội, kinh tế hay môi trường xảy ra trong những cấu trúc hay hệ thống này giữa các bên liên quan không? (Đâu là bên chịu nhiều tác động, đâu là bên hưởng lợi).
  - E. Với mỗi đối tượng liên quan đến sự việc, có những mô thức tư duy hay cấu trúc vô hình nào dẫn tới những hệ thống ở câu trên hay không? (nghĩ về những chuẩn mực xã hội, niềm tin, thái độ, định kiến, thế giới quan...)

Dưới đây là một ví dụ cụ thể của việc phân tích bằng mô hình tảng băng [13]:



Hình 23: Ví dụ về mô hình tảng băng (Nguồn: Ecochallenge)

Các tầng tư duy của tảng băng trong trường hợp này:

- Tầng sự kiện bề nổi - đây là tầng thông tin mà chúng ta thường nhìn nhận. Ví dụ: sáng thức dậy chúng ta thấy mình bị cảm. Cho dù việc này thường có thể xử lý đơn giản bằng việc uống thuốc - uống trà thảo mộc... nhưng khi áp dụng mô hình tảng băng, ta sẽ không nghiêm nhiên coi là mọi vấn đề đều có thể giải quyết bằng việc xử lý những dấu hiệu hoặc thay đổi ở tầng sự kiện bề mặt này.
- Tầng khuôn mẫu/xu hướng: nếu quan sát và suy nghĩ kỹ hơn, ta sẽ có thể tìm ra các khuôn mẫu từ những lần sự kiện này lặp đi lặp lại - có thể bạn thường bị cảm khi không được nghỉ ngơi đầy đủ.
- Tầng cấu trúc: ta đặt câu hỏi sâu hơn - điều gì tạo nên những xu hướng hay khuôn mẫu lặp đi lặp lại này? Câu trả lời thường là một hệ thống hay cấu trúc nào đó. Ví dụ như công việc trở nên căng thẳng vì chính sách mới của công ty, thói quen ăn uống tuỉnh toàng qua loa khi đang nhiều việc, hoặc những cửa hàng bán đồ ăn tốt cho

sức khỏe lại thường không tiện cho bạn - tất cả những lý do này đều có thể góp phần khiến bạn bị cảm.

- Tầng mô thức tư duy: thái độ, niềm tin, giá trị hay kỳ vọng nào khiến những cấu trúc hệ thống này tiếp tục vận hành. Thường những mô thức này đã được in sâu vào tiềm thức của cá nhân, gia đình hay xã hội. Trong trường hợp này có thể là: niềm tin rằng sự nghiệp là quan trọng nhất, rằng thực phẩm hữu cơ tốt cho sức khỏe luôn đắt đỏ, hoặc nghi ngại nghĩa là đang lừa dối...

Sau khi áp dụng mô hình tầng băng để phân tích một vấn đề, giảng viên hoặc tập huấn viên có thể áp dụng chính mô hình tầng băng đảo ngược (tức là đi theo thứ tự ngược lại của các tầng thông tin) để thảo luận về một giải pháp cho vấn đề đã nêu ra. Ví dụ về các câu hỏi dẫn dắt cho mô hình tầng băng đảo ngược:

- Thay đổi căn bản mà chúng ta mong muốn nhìn thấy trong hệ thống là gì?
- Những thực hành, quy định, chính sách hay cấu trúc nào cần phải chuyển đổi hoặc cần được tạo ra để đạt được thay đổi mong muốn phía trên?
- Với mỗi bên liên quan trong hệ thống - cần có những thay đổi nào về mô thức tư duy để hướng tới thay đổi trong hệ thống?
- Chúng ta muốn thấy những xu hướng hay khuôn mẫu mới nào được tạo ra qua thời gian khi thay đổi này được xác lập?
- Thành quả cuối cùng sẽ như thế nào (khi chúng ta đạt được mục đích ban đầu)?

## Phân tích trường hợp điển hình

Phân tích trường hợp điển hình là một công cụ được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu và phát triển để phân tích những tình huống thực tế để rút ra bài học. Đôi khi kiến thức về phát triển có thể bị coi là “lý thuyết” hay “quá lý tưởng” hoặc “xa rời thực tế”, đặc biệt với những chủ đề còn mới là và mang tính học thuật như “chuyển đổi sinh thái xã hội”. Việc đưa ra những trường hợp cụ thể với người thật, việc thật sẽ đưa bức tranh bền vững này trở nên rõ ràng và gần gũi hơn. Trường hợp được chọn càng gần gũi với thực tế cuộc sống của người tham gia thì càng trở nên thuyết phục.

Hãy đầu tư thời gian vào việc đưa ra kết nối rõ ràng giữa ví dụ và học viên. Trường hợp không thể tìm thấy các ví dụ điển hình ưng ý, bạn có thể tìm các mô hình ở tỉnh khác, thậm chí quốc gia khác. Khi đó hãy lưu ý những yếu tố khác nhau về điều kiện địa lý, khí hậu, xã hội có thể ảnh hưởng tới việc áp dụng mô hình ở nơi bạn sống.

Các giá trị chính của các trường hợp ví dụ điển hình:

- Làm ví dụ (để hiểu các vấn đề phức tạp)
- Tạo cảm xúc (để học viên tiếp xúc với cuộc sống thực, người thực, kinh nghiệm thực)
- Làm bằng chứng cho lý thuyết hoặc cung cấp cho giảng viên và học viên các bằng chứng để hỗ trợ cho lập luận của họ (xem những gì đã / đang được thực hiện)

Khi sử dụng phương pháp này, tập huấn viên có thể đạt được nhiều mục đích như:

- Thu hút sự chú ý
- Kiểm tra kiến thức của học viên
- Giúp học viên kết nối lý thuyết và thực hành
- Phát triển tư duy phê phán (bạn sẽ làm gì trong tình huống này?) và hiểu biết về các mối quan hệ thường phức tạp giữa, xã hội, kinh tế, và điều kiện môi trường trong một quốc gia
- Nâng cao nhận thức và kích thích hành động của học viên

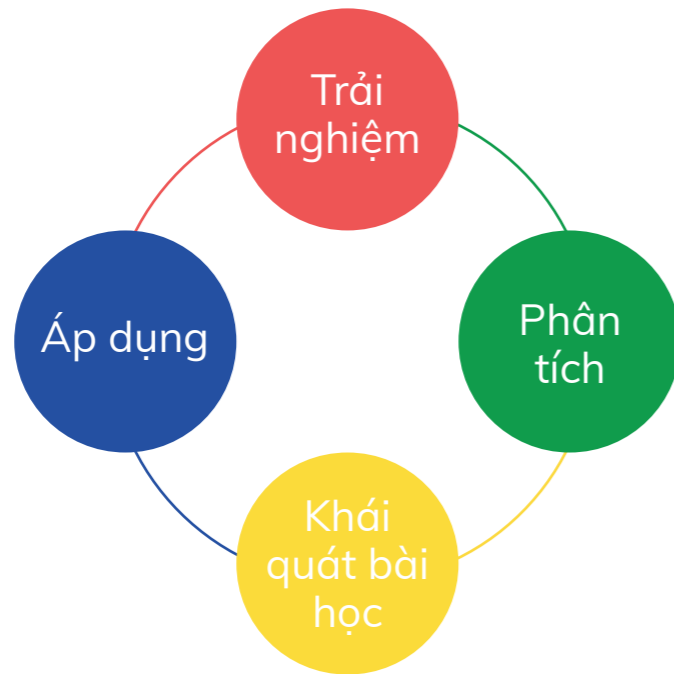
Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- Trường hợp nghiên cứu điển hình cần được chuẩn bị kỹ lưỡng và kiểm chứng tính xác thực và cập nhật của thông tin (mô hình còn hoạt động không? thông tin bạn tìm được có chính xác hay không?)
- Tránh sử dụng các trường hợp đang gây tranh cãi, có nhiều ý kiến trái chiều và chưa có nguồn thông tin đáng tin cậy nào xác thực
- Dù thời lượng bài giảng có hạn, nên cung cấp thông tin đủ sâu và giúp học viên liên hệ từ ví dụ điển hình này tới bản thân và bối cảnh nơi họ sinh sống. Có thể đưa thêm nguồn tham khảo để học viên tìm hiểu sâu hơn sau bài giảng

Để hỗ trợ cho phương pháp dùng trường hợp điển hình, giảng viên/tập huấn viên có thể thu thập các tài liệu bổ sung như nghiên cứu khoa học, bài báo, video, phim tài liệu, các chia sẻ bài học thành công/thất bại từ những người có kinh nghiệm. Những thông tin ở phần đầu của tài liệu này và phần tài liệu tham khảo có thể hữu ích trong việc tìm kiếm và lựa chọn một ví dụ phù hợp.

## Chu trình học qua trải nghiệm

Một trong những phương pháp hữu hiệu để tăng hiệu quả trong quá trình lồng ghép và truyền tải kiến thức tập huấn đó là chu trình học thông qua trải nghiệm, hay cụ thể hơn là “bài học được phản ánh qua hành động”. David Kolb – một nhà lý thuyết giáo dục người Mỹ đã đưa ra bốn bước cho mô hình học qua trải nghiệm như hình dưới đây.



Hình 24: Biểu đồ chu trình học qua trải nghiệm

Vậy, làm thế nào để xây dựng tập huấn dựa theo mô hình học tập này?

Vai trò của người giảng viên (hay người tập huấn viên) là giúp người học hiểu và áp dụng đúng bài học của mình. Trước khi lồng ghép bài giảng, tập huấn viên cần làm rõ trọng tâm bài học là gì. Tập huấn viên/giảng viên có thể đi theo các bước sau:

### Bước 1: Phân tích học viên

Học viên đang ở đâu với chủ đề này? Về thái độ với bài học, học muốn học hay không?  
 Về kiến thức, họ am hiểu đến đâu? Về kinh nghiệm áp dụng, họ đang ở mức nào?  
 Học viên của bạn cần học gì, cần học như thế nào?

### Bước 2: Xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học của bạn cần được làm rõ để việc thiết kế bài học trở nên dễ dàng và đúng hướng. Ví dụ: sau 45 phút giảng hay 90 phút giảng thì học viên sẽ rút ra được điều gì?

Ngoài ra, để xác định mục tiêu bạn cần trả lời được 2 câu hỏi: Mục tiêu gì (kĩ năng hay kiến thức)? Và ở mức độ như thế nào?

### Bước 3: Thiết kế hoạt động trải nghiệm

Bài tập trải nghiệm là một trong những bước quan trọng nhất để xác định bài học của bạn có thành công hay không. Vì học viên sẽ đúc rút kinh nghiệm qua từng trải nghiệm do giảng viên thiết kế, do đó bài học trải nghiệm cần có sự liên hệ rõ ràng để học viên có thể phân tích. Hoạt động trải nghiệm có thể có các trải nghiệm như: nghe, nhìn, ngửi, nếm, làm/thực hành, cảm nhận hay suy nghĩ. Tuy nhiên, hoạt động nên tạo ra cảm xúc để học viên thích thú và có điều khiến họ phải suy nghĩ, trăn trở.

### Bước 4: Thiết kế quá trình phân tích và khái quát bài học

Ở bước này, tập huấn viên sẽ hỏi các câu hỏi liên quan đến trải nghiệm để học viên tự nhận thức những trải nghiệm của mình, tự đưa ra các suy luận và bài học.

### Bước 5: Thiết kế hoạt động áp dụng

Hoạt động áp dụng là phần mà người tập huấn viên có thể gợi ý cho các bạn học viên về các cách giúp học viên liên hệ từ bài học ra thực tế. Hoạt động áp dụng có nhiều cấp độ khác nhau: áp dụng để liên hệ thực tế, áp dụng để làm, áp dụng để phân tích sâu hơn nội dung bài học.

Để bạn đọc có thể hình dung và hiểu rõ hơn về việc áp dụng mô hình “Học qua trải nghiệm”, tài liệu này sẽ giới thiệu một số ví dụ kế hoạch giảng dạy ở phần tiếp theo.

## VÍ DỤ CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN

Trong phần này của tài liệu, chúng tôi sẽ giới thiệu một số kế hoạch áp dụng chủ đề “**Chuyển đổi sinh thái xã hội**” vào trong hoạt động giáo dục tập huấn có sử dụng các phương pháp đã được giới thiệu ở trên. Giảng viên và tập huấn viên có thể chủ động thay đổi kế hoạch bài giảng cho phù hợp với đối tượng học viên và điều kiện thực tế.

### Bài giảng trên lớp

Chủ đề: Hiểu về chuyển đổi sinh thái xã hội

Thời lượng: 90 phút

Mục tiêu bài học:

- Học viên hiểu chuyển đổi sinh thái xã hội (SET) là gì, điểm khác biệt của SET với các phong trào phát triển khác
- Học viên được trải nghiệm phân tích một vấn đề liên quan đến SET ứng dụng mô hình tảng băng
- Học viên được hiểu rõ hơn về cách tiếp cận của SET thông qua tiếp xúc với một số ví dụ thực tế

Phương pháp

- Mô hình tảng băng
- Học qua trải nghiệm
- Phân tích trường hợp điển hình

Kế hoạch bài giảng

STT	Nội dung	Thời lượng	Mô tả chi tiết	Chuẩn bị
1	Khởi động	10 phút	Trò chơi câu đố về khủng hoảng kinh tế, xã hội và môi trường. Mỗi câu hỏi sẽ có các đáp án A-B-C-D. Học viên sẽ trả lời bằng các động tác tương ứng với từng đáp án.	Bảng hỏi trắc nghiệm (slide hoặc công cụ trình bày)

2	Chuyện gì đang diễn ra	5 phút	Chiếu video clip hoặc bộ ảnh về một vấn đề không bền vững (lựa chọn một chủ đề liên quan đến môn học hoặc liên quan đến tình hình địa phương)	Video Máy chiếu, màn chiếu
3	Một góc nhìn mới về thế giới	30 phút	Sử dụng mô hình tảng băng để phân tích vấn đề nêu ra trong video clip Học viên thảo luận theo cặp (hoặc theo nhóm 3-4 người) phân tích các tầng của tảng băng theo đề bài đưa ra Mời 1-2 nhóm chia sẻ Giảng viên nhận xét và khái quát lại mô hình tảng băng	Tài liệu hướng dẫn bài tập theo cặp
4	Giới thiệu về SET	10 phút	Bài giảng về khái niệm SET, bối cảnh ra đời và các tiêu chí/hướng tiếp cận trong SET	Slide bài giảng
5	Ví dụ thực tế	30 phút	Học viên được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm được nhận một bộ thông tin về ví dụ thực tế (chọn các ví dụ ở các cấp độ hoặc bối cảnh khác nhau) Nhiệm vụ của nhóm là thảo luận (trong 15 phút) về trường hợp này và phân tích tại sao đây lại là một ví dụ của SET (cách tiếp cận của ví dụ về các khía cạnh xã hội, sinh thái và kinh tế). Sau đó, mỗi nhóm có 5 phút để chia sẻ lại trước lớp	Tài liệu về các trường hợp ví dụ tiêu biểu
6	Tổng kết	5 phút	Giảng viên tổng kết lại các ý chính và giao bài tập hoặc lời mời hành động sau buổi học (nếu có)	

Trong trường hợp thời gian có hạn, hoặc lớp học có trên 30 học viên, giảng viên có thể chia kế hoạch bài giảng này thành hai buổi học. Buổi một tập trung vào bối cảnh, khái niệm và ứng dụng mô hình tảng băng. Buổi hai tập trung vào giải pháp với các ví dụ thực tế - ứng dụng phương pháp phân tích trường hợp điển hình. Lưu ý có thể sử dụng cách tiếp cận của học qua trải nghiệm ở cả hai buổi.

## Chuyến đi thăm quan thực tế

Với chủ đề “**chuyển đổi sinh thái xã hội**”, giảng viên có thể lựa chọn địa điểm thăm quan học tập thực tế là những mô hình đã triển khai thành công cách tiếp cận ưu tiên sinh thái và xã hội, hoặc thăm một mô hình có sẵn tại địa phương và để học viên được phân tích, đánh giá hiện trạng cũng như đề xuất các giải pháp để mô hình này hướng tới chuyển đổi sinh thái xã hội.

Bạn có thể lựa chọn địa điểm thực tế tùy thuộc vào các yếu tố sau:

- Mục đích của chuyến đi
- Nguồn lực sẵn có: thời gian, con người, kinh phí
- Khoảng cách và địa điểm (lưu ý ưu tiên các địa điểm ở phạm vi gần để tiết kiệm thời gian, nguồn lực và giảm phát thải do di chuyển).

Dưới đây là một ví dụ gợi ý về chuyến đi thăm quan thực tế đến doanh nghiệp xã hội Viet-herb (Lạng Sơn) trong 2 ngày 1 đêm cho một trường học tại khu vực phía Bắc.

Mục đích:

- Học viên có hiểu biết sâu sắc và trực quan về SET và ứng dụng SET trên thực tế
- Học viên được tạo động lực để tham gia thúc đẩy SET sau khi trở về
- Học viên được tham gia vào các hoạt động giáo dục đa dạng, thực tế, hữu ích và lý thú

Kế hoạch chương trình

STT	Nội dung	Thời lượng	Mô tả chi tiết
Ngày 1			
1	Di chuyển	2-4 tiếng	Tùy vào khoảng cách, có thể tổ chức đi từ sáng sớm, hoặc từ chiều hôm trước

2	Câu chuyện Vietherb	1 tiếng 30 phút	Lắng nghe câu chuyện từ những thành viên của Vietherb Hỏi đáp Đi tham quan một vòng
3	Ăn trưa và nghỉ trưa	1 tiếng 30 phút	
4	Trải nghiệm hoạt động tại Vietherb	2 tiếng	Thực hành các giải pháp thuận tự nhiên tại Vietherb (làm bột rửa mặt, làm trà, thu hoạch thảo mộc, làm vườn...). Có thể chia làm nhiều nhóm nhỏ theo các công việc khác nhau đang sẵn có tại Vietherb
5	Chia sẻ và soi chiếu	1 tiếng	Học viên chia sẻ trải nghiệm và những bài học rút ra cho bản thân Ghi chép bài học

Ngày 2

1	Trải nghiệm sản phẩm Vietherb	1 tiếng	Học viên được trải nghiệm sử dụng các sản phẩm của Vietherb theo hướng dẫn
2	Đào sâu tìm hiểu	1 tiếng 30 phút	Áp dụng công cụ mô hình tảng băng hoặc phân tích trường hợp điển hình để hiểu rõ hơn về trường hợp của Vietherb và những tác động mà Vietherb đang mang lại về mặt kinh tế, xã hội và môi trường (học viên có thể được phỏng vấn các thành viên Vietherb trong quá trình này)
3	Chia sẻ và tổng kết	1 tiếng	Học viên chia sẻ các quan sát và bài học Hỏi đáp và trò chuyện cùng Vietherb Tổng kết chuyến đi Lời mời lên kế hoạch hành động
4	Ra về		

## TÀI LIỆU MỞ RỘNG

---

### 1. Tài liệu về Trường học Xanh

- Green University Toolkit by UNEP - Bộ công cụ xây dựng trường đại học Xanh được soạn bởi UNEP
- Green Guide for University by the International Alliance of Research Universities - Hướng dẫn trường học xanh do Liên minh Quốc tế của Các Trường Đại học Nghiên cứu biên soạn

### 2. Một số đầu sách về những chủ đề liên quan

- Social-Ecological Transformation, Reconnecting Society and Nature (2016) - Tác giả Karl Bruckmeier
- Doughnut Economics: Seven Ways to Think Like a 21st-Century Economist (2017) - Tác giả: Kate Raworth
- The Divide: A Brief Guide to Global Inequality and its Solutions (2017) - Tác giả: Jason Hickel
- The Rights of Nature: A Legal Revolution That Could Save the World (2017) - Tác giả: David R. Boyd
- Utopia for Realists: The Case for a Universal Basic Income, Open Borders, and a 15-hour Workweek (2016) - Tác giả: Rutger Bregman
- The Power of Just Doing Stuff (2011) - Tác giả: Rob Hopkins
- Minimalism: Live a Meaningful Life (2011) - Tác giả: Joshua Fields Millburn & Ryan Nicodemus
- The More of Less: Finding the Life You Want Under Everything You Own (2016). Tên bản dịch tiếng Việt: Sống Tối Giản - Tối Thiểu Để Đạt Tối Đa - Tác giả: Joshua Becker
- Một cuốn sách về chủ nghĩa tối giản (2018) - Tác giả: Chi Nguyễn
- Hạnh phúc là con đường (2021) - Tác giả: Hà Vĩnh Thọ

# PHẦN 03

## Tài liệu tham khảo

---



1. The 2 Degrees Institute. (2021, June 17). Global CO2 Level. The 2 Degrees Institute. <https://www.2degreesinstitute.org/>
2. Archer, D., & Adelina, C. (2020). Social-ecological transformation in cities in Asia. Friedrich-Ebert-Stiftung.
3. Becker, E., Jahn, T., & Schramm, E. (1999). Sozial-ökologische Forschung. Rahmenkonzept für einen neuen Förderschwerpunkt. Unter Mitarbeit von Diana Hummel und Immanuel Stieß.
4. Boffey, D. (2020, April 8). Amsterdam to embrace 'doughnut' model to mend post-coronavirus economy. The Guardian. <https://www.theguardian.com/world/2020/apr/08/amsterdam-doughnut-model-mend-post-coronavirus-economy>
5. Brand, U. (2012). Transition und Transformation. In: Michael Brie und Mario Candeias (Hg.): Transformation im Kapitalismus und darüber hinaus. Beiträge zur ersten Transformationskonferenz, S. 49-70.
6. Brand, U., & Wissen, M. (2017). Social-ecological transformation. The International Encyclopedia of Geography, 1, 1-9. 10.1002/9781118786352.wbieg0690
7. Bruckmeier, K. (2016). Social-Ecological Transformation. Palgrave Macmillan, London. <https://doi.org/10.1057/978-1-137-43828-7>
8. Chohan, U. W. (2017). Universal Basic Income: A Review. University of New South Wales.
9. Credit Suisse. (2020). Global wealth report 2020. Credit Suisse Research Institute.
10. Danso-Dahmen, L. (2018). Introduction. In Social Ecological Transformation - Perspectives from Asia and Europe (pp. 10-13). Rosa Luxemburg Stiftung.
11. D. Barnosky, A., Matzke, N., Tomiya, S., O. U. Wogan, G., Swartz, B., B. Quental, T., Marshall, C., L. McGuire, J., L. Lindsey, E., C. Maguire, K., Mersey, B., & A. Ferrer, E. (2011). Has the Earth's sixth mass extinction already arrived? Nature, 147, 51-57. 10.1038/nature09678
12. Degenhardt, P. (2018). Socio-ecological transformation - a discursive classification. In Social Ecological Transformation - Perspectives from Asia and Europe (pp. 89-99). Rosa Luxemburg Stiftung.
13. Ecochallenge. (n.d.). a systems thinking model: the iceberg. ecochallenge dot org. Retrieved June 24, 2021, from <https://ecochallenge.org/iceberg-model/>
14. Eurasia Foundation & Association. (n.d.). Tĩnh Trúc Gia. Eurasia Foundation and Association. Retrieved June 18, 2021, from <https://eurasia-foundation.org/vi/tinh-truc-gia-2>

15. Fischer-Kowalski, M. (2015). Social Ecology. International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences, 22(2), 254-262. <https://doi.org/10.1016/B978-0-08-097086-8.91038-9>
16. Follette, C. L. (2019, Mar 6). Rights of Nature: The New Paradigm. American Association of Geographers. <http://news.aag.org/2019/03/rights-of-nature-the-new-paradigm/>
17. Global Alliance for the Rights of Nature. (n.d.). What is Rights of Nature? Global Alliance for the Rights of Nature. Retrieved June 18, 2021, from <https://www.therightsofnature.org/what-is-rights-of-nature/>
18. Ha, V. L., & Ha, V. T. (2009). The opening of the Peaceful Bamboo Family in Hue, Vietnam: a residential community for youngsters living with mental disability.
19. Ha, V. T. (2018). Gross National Happiness as an alternative development paradigm and its relevance for community living. Eurasia Learning Institute for Happiness and Wellbeing.
20. Harvey, F. (2021, Mar 31). Destruction of world's forests increased sharply in 2020. The Guardian. Retrieved June 17, 2021, from <https://www.theguardian.com/environment/2021/mar/31/destruction-of-worlds-forests-increased-sharply-in-2020-loss-tree-cover-tropical>
21. Hickel, J. (2017). From Charity to Justice. In The divide. William Heinemann.
22. Hopkins, R., & Thomas, M. (2016). The Essential Guide to Doing Transition. Transition Network.
23. Hurst, M., Dittmar, H., Bond, R., & Kasser, T. (2013). The relationship between materialistic values and environmental attitudes and behaviors: A meta-analysis. Journal of Environmental Psychology, 36, 257-269.
24. Institute for Policy Studies. (2021). Covid-19 and Health Inequalities. Inequalities.org. Retrieved June 22, 2021, from <https://inequality.org/facts/inequality-and-health/#covid-inequality>
25. IPCC. (2018). Special Report: Global Warming of 1.5 °C. The Intergovernmental Panel on Climate Change. <https://www.ipcc.ch/sr15/>
26. Just Lead Washington. (2020). REJI Organizational Race Equity Toolkit. Just Lead Washington.
27. Lu, C., & Tian, H. (2017). Global nitrogen and phosphorus fertilizer use for

- agriculture production in the past half century: shifted hot spots and nutrient imbalance. *Earth System Science Data*, 9, 181-192. 10.5194/essd-9-181-2017
28. Lupkin, S. (2015, April 28). Women Put an Average of 168 Chemicals on Their Bodies Each Day, Consumer Group Says. ABCNews. <https://abcnews.go.com/Health/women-put-average-168-chemicals-bodies-day-consumer/story?id=30615324>
  29. Margil, M. (2018, Nov 14). The rights of nature gaining ground. Open Global Rights. <https://www.openglobalrights.org/the-rights-of-nature-gaining-ground/>
  30. Nguyen, C. (2019). Một Cuốn Sách Về Chủ Nghĩa Tối Giản. Nhà xuất bản Thế Giới.
  31. Nikiforos, M., Steinbaum, M., & Zezza, G. (2017). Modeling the Macroeconomic Effects of a Universal Basic Income. the Roosevelt Institute.
  32. Oxfam. (2019). Public Good or Private Wealth? Oxfam GB. 10.21201/2019.3651
  33. Raworth, K. (2017). A Doughnut for the Anthropocene: humanity's compass in the 21st century. *Lancet Planet Health*, 1, e48-49.
  34. RLS. (n.d.). Quỹ Rosa-Luxemburg - Đấu tranh vì một Xã hội công bằng. Rosa Luxemburg Stiftung Southeast Asia. Retrieved June 22, 2021, from <https://rosaluxhanoi.org/vi/home.html>
  35. rootAbility & Leuphana University. (2019). Green Office Model Guide.
  36. Steffen, W., Richardson, K., Rockström, J., E. Cornell, S., Fetzer, I., M. Bennett, E., Biggs, R., R. Carpenter, S., de Vries, W., A. de Wit, C., Folke, C., Gerten, D., Heinke, J., M. Mace, G., M. Persson, L., Ramanathan, V., Reyers, B., & Sörlin, S. (2015). Planetary boundaries: Guiding human development on a changing planet. *Science*, 347(6223), 1259855. DOI: 10.1126/science.1259855
  37. Stilt, K. (2021, Mar 20). Rights of Nature, Rights of Animals. *Harvard Law Review*. <https://harvardlawreview.org/2021/03/rights-of-nature-rights-of-animals/>
  38. Straubhaar, T. (2017). On the Economics of a Universal Basic Income. *Intereconomics*, 52(2), 74-80.
  39. Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường. (2020). Báo cáo nghiên cứu Nhận thức của Thanh niên về Chuyển đổi sinh thái xã hội và Phong trào sinh thái ở Việt Nam. Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường.
  40. UN. (n.d.). Gross National Happiness Index. Sustainable Development Goals Knowledge Platform. Retrieved June 18, 2021, from <https://sustainabledevelopment.un.org/index.php?page=view&type=99&nr=266&menu=1449>

41. UNESCO. (2021, June 17). Facts and figures on ocean acidification. United Nations Educational Scientific and Cultural Organization. <http://www.unesco.org/new/en/natural-sciences/ioc-oceans/focus-areas/rio-20-ocean/blueprint-for-the-future-we-want/ocean-acidification/facts-and-figures-on-ocean-acidification/>
42. UNFCCC. (n.d.). ME SOLshare: Peer-to-Peer Smart Village Grids | Bangladesh. United Nations Framework Convention on Climate Change. Retrieved June 22, 2021, from <https://unfccc.int/climate-action/momentum-for-change/ict-solutions/solshare>
43. UNICEF. (2021). Water Security for All. United Nations Children's Fund. <https://www.unicef.org/media/95241/file/water-security-for-all.pdf>
44. United Nations General Assembly. (1987). Report of the world commission on environment and development: Our common future. United Nations General Assembly, Development and International Co-operation: Environment.
45. Vietherb. (n.d.). Tự truyện Vietherb. Vietherb. Retrieved June 21, 2021, from <https://vietherb.vn/pages/tu-truyen-vietherb>
46. Walmsley, T. (2020, July 16). A New Model for Democratizing Agriculture in Thailand. *A Growing Culture*. <https://agrowingculture.medium.com/a-new-model-for-democratizing-agriculture-in-thailand-bcddafce67bd>
47. The World Counts. (2021, June 17). Polluted Bodies. The World Counts. <https://www.theworldcounts.com/challenges/toxic-exposures>
48. World Meteorological Organization. (2021, January 6). Record-breaking 2020 ozone hole closes. World Meteorological Organization. <https://public.wmo.int/en/media/news/record-breaking-2020-ozone-hole-closes>



Trái đất cung cấp đủ  
cho nhu cầu, chứ không  
đủ cho lòng tham của  
con người  
- Mahatma Gandhi -